

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CÔNG
Địa chỉ: Xã Thăng Long, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hoá



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
(Ngày 19/06/2014)

Thanh Hoá, tháng 06 năm 2014

Thanh hoá, ngày 10 tháng 06 năm 2014

DANH MỤC TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

I. CÁC THÔNG BÁO, NỘI QUY, QUYẾT ĐỊNH CHUẨN BỊ ĐẠI HỘI:

1. Thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
2. Quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2014.
3. Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
4. Chương trình Đại hội đồng cổ đông năm 2014
5. Nội quy làm việc Đại hội đồng cổ đông năm 2014
6. Quyết định thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu cổ đông dự Đại hội.

II. CÁC BÁO CÁO TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2013; Kế hoạch SXKD năm 2014 nhiệm vụ và giải pháp.
2. Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2014.
3. Báo cáo của BKS về kết quả hoạt động năm 2013; Kế hoạch nhiệm vụ năm 2014.
4. Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2013.

III. CÁC TỜ TRÌNH TRÌNH ĐẠI HỘI PHÊ DUYỆT

1. Kế hoạch SXKD năm 2014.
2. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013.
3. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2014.
4. Dự toán kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2014.
5. Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (sửa đổi).

IV. CÁC TÀI LIỆU VỀ BẦU THÀNH VIÊN BKS

1. Phương án Nhân sự bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011-2016.
2. Tờ trình Thông qua Phương án nhân sự bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011-2016.
3. Dự kiến Ban bầu cử bầu thành viên BKS
4. Thẻ lệ bầu cử thành viên BKS

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 325 /TB - ĐNC – HĐQT

Thanh hoá, ngày 04 tháng 6 năm 2014

THÔNG BÁO

V/v: Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2014

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Mía Đường Nông Công

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía Đường Nông Công đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông sáng lập Công ty ngày 29/12/2006; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty số 19/NQ/CPMĐNC – HĐQT ngày 03/6/2014;

Hội đồng quản trị Công ty CP Mía đường Nông Công thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 như sau:

1. Thời gian: 7 giờ 30 phút – Ngày 19 tháng 06 năm 2014.

2. Địa điểm: Tại Hội trường Công ty CP Mía đường Nông Công

Xã Thăng Long – Huyện Nông Công – Thanh Hoá

3. Nội dung đại hội:

- Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2013; kế hoạch SXKD năm 2014, nhiệm vụ và các giải pháp.
- Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán và kế hoạch tài chính năm 2014.
- Báo cáo của BKS về kết quả kiểm soát 2013 và kế hoạch kiểm soát năm 2014.
- Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013.
- Báo cáo quyết toán kinh phí của hoạt động của HĐQT và BKS năm 2013.
- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.
- Phê duyệt mức kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2014.
- Phê duyệt Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2014.
- Phê duyệt sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Bầu cử thay thế thành viên Ban kiểm soát Công ty.
- Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành phần tham dự Đại hội:

- Là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty đến ngày 18/5/2014.

5. Bầu thay thế thành viên BKS Công ty:

Việc đề cử, ứng cử nhân sự tham gia Ban kiểm soát Công ty được thực hiện theo Điều 9 và Điều 33 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

6. Đăng ký dự đại hội. Để công tác tổ chức Đại hội cổ đông được thuận lợi, kính đề nghị Quý cổ đông đăng ký dự họp hoặc uỷ quyền dự họp (theo mẫu đăng ký và uỷ quyền đính kèm) gửi trực tiếp, Fax, hoặc gửi theo đường bưu điện trước ngày **14/6/2014**.

- Địa chỉ Công ty: Công ty cổ phần mía đường Nông Công:
Xã Thăng Long - Huyện Nông Công - Tỉnh Thanh Hóa.

- Số Fax: 0373.839435

Từ ngày 14/6/2014, danh sách cổ đông tham dự Đại hội được niêm yết tại trụ sở Công ty cổ phần mía đường Nông Công.

7. Các vấn đề khác

- Tài liệu Đại hội được đăng tải tại webside của Công ty (<http://www.nosuco.vn>) từ ngày 11/6/2014; đề nghị các cổ đông lấy tài liệu tại webside trên.

- Cổ đông không tham dự có thể ủy quyền cho người khác hoặc cho một trong các thành viên HĐQT Công ty như sau:

1. Bà Vũ Thị Huyền Đức
2. Ông Lê Văn Tới
3. Ông Ngô Văn Long
4. Ông Nguyễn Mạnh Hà
5. Ông Trần Ngọc Hiếu

- Khi đến họp đề nghị Cổ đông vui lòng mang theo thông báo mời họp, chứng minh thư nhân dân (trong trường hợp được uỷ quyền, đề nghị Cổ đông mang theo giấy uỷ quyền bản chính).

- Chi phí đi lại, ăn ở khi tham dự Đại hội ĐCĐ thường niên năm 2014 của Công ty do cổ đông tự túc.

Rất mong quý cổ đông tham dự đại hội đầy đủ và đúng giờ để đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 327/QĐ/CPMĐNC – HĐQT

Thanh hoá, ngày 04 tháng 06 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG
V/v: Thành lập Ban tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2014**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía Đường Nông Cống đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông sáng lập Công ty ngày 29/12/2006; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;
- Theo đề nghị của ông Tổng giám đốc Công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Ban tổ chức và các tiểu ban phục vụ Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 gồm các ông bà có tên sau:

A. Ban tổ chức:

- | | | |
|-------------------------|-------------------------|--------------|
| 1. Bà Vũ Thị Huyền Đức | - Chủ tịch HĐQT | - Trưởng ban |
| 2. Ông Lê Văn Tới | - Phó CT HĐQT | - Phó ban |
| 3. Ông Ngô Văn Long | - UV HĐQT-Tổng giám đốc | - Phó ban |
| 4. Bà Phạm Thị Mơ | - Tr. Ban kiểm soát | - Ủy viên |
| 5. Ông Trần Văn Khánh | - Phó Tổng giám đốc | - Ủy viên |
| 6. Ông Nguyễn Văn Khanh | - Phó Tổng giám đốc | - Ủy viên |
| 7. Ông Lê Thanh Sơn | - Q. Trưởng P. TCKT | - Ủy viên |
| 8. Ông Phan Văn Long | - Thư ký HĐQT | - Ủy viên |

B. Các tiểu ban:

I. Tiểu ban văn kiện:

- | | | |
|-------------------------|-----------------------------|----------------|
| 1. Ông Ngô Văn Long | - Tổng giám đốc | - Tr. Tiểu ban |
| 2. Bà Phạm Thị Mơ | - Tr. Ban kiểm soát | - Ủy viên |
| 3. Ông Lê Thanh Sơn | - Q. Trưởng P. TCKT | - Ủy viên |
| 4. Ông Hoàng Linh | - Tr. P. ĐT - XDCH | - Ủy viên |
| 5. Ông Tào Nguyên Cường | - PT. P. Kỹ thuật | - Ủy viên |
| 6. Ông Phạm Văn Bảy | - Tr. P. Nguyên liệu | - Ủy viên |
| 7. Ông Phan Văn Long | - PT P. TCHC, Thư ký HĐQT | - Ủy viên |
| 8. Ông Ngô Xuân Hoạt | - Phó. P. Kế hoạch – Vật tư | - Ủy viên |

II. Tiểu ban khánh tiết:

- | | | |
|-------------------------|-------------------------------|----------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Khanh | - Phó Tổng giám đốc | - Tr. Tiểu ban |
| 2. Ông Mạch Ngọc Lê | - Phó P. Tổ chức – Hành chính | - P. Tiểu ban |
| 3. Ông Hà Minh Đức | - Q. Tr. P. Kinh doanh | - Ủy viên |
| 4. Ông Nguyễn Văn Tường | - Quản đốc PX Phân bón | - Ủy viên |
| 5. Ông Dương Hải Âu | - BT Đoàn TN | - Ủy viên |

III. Tiểu ban hậu cần:

- | | | |
|-----------------------|-------------------------------|----------------|
| 1. Ông Trần Văn Khánh | - Phó Tổng giám đốc | - Tr. Tiểu ban |
| 2. Ông Mạch Ngọc Lê | - Phó P. Tổ chức – Hành chính | - P. Tiểu ban |
| 3. Ông Phạm Văn Dũng | - P. P. Kỹ thuật | - Ủy viên |
| 4. Ông Nguyễn Hữu Lâm | - PGĐ Nhà máy CB | - Ủy viên |
| 5. Ông Lê Xuân Bình | - Q. Quản đốc PX Nước | - Ủy viên |

Điều 2: Nhiệm vụ của Ban tổ chức Đại hội và các tiểu ban:

- Thông báo triệu tập đại biểu dự họp
- Dự kiến Đoàn chủ tịch, đoàn thư ký, Ban bầu cử và ban kiểm tra tư cách đại biểu Đại hội.
- Tiểu ban văn kiện:
 - Soạn thảo các văn kiện trình đại hội.
 - Thực hiện các nhiệm vụ trước, trong và sau đại hội.
- Tiểu ban khánh tiết:
 - Chuẩn bị giấy mời gửi tới khách mời dự đại hội.
 - Chuẩn bị hội trường, âm thanh, loa đài, cờ hoa, băng zôn, khẩu hiệu.
 - Công bố danh sách cổ đông dự đại hội.
 - Tổng hợp danh trách trích ngang đại biểu giới thiệu vào BKS Công ty.
 - Đón tiếp đại biểu và khách mời về dự đại hội, phát tài liệu.
- Tiểu ban hậu cần:
 - Chuẩn bị và dự trữ nguồn kinh phí phục vụ đại hội.
 - Bố trí ăn nghỉ cho đại biểu về dự đại hội.
- Trưởng các tiểu ban có trách nhiệm phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tiểu ban để thực hiện các nhiệm vụ được giao có chất lượng và đúng thời gian quy định.

Điều 3: HĐQT, Ban tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban, bộ phận có liên quan và các ông bà có tên tại điều I chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- HĐQT, BKS.
- Lưu VP, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 340 QĐ/CPMĐNC – HĐQT

Thanh hoá, ngày 10 tháng 06 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG
V/v: Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự ĐHĐCĐ thường niên 2014**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía Đường Nông Cống đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông sáng lập Công ty ngày 29/12/2006; được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;
- Theo đề nghị của ông Tổng giám đốc Công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Ban kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 gồm các ông bà có tên sau:

- | | | |
|-------------------------|----------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Khanh | - Phó Tổng giám đốc | - Trưởng ban |
| 2. Ông Mạch Ngọc Lê | - Phó P. TCHC | - Phó ban |
| 3. Ông Nguyễn Văn Tường | - QĐ PX Vi sinh | - Ủy viên |
| 4. Ông Tào Nguyên Cường | - Q. Tr. P. Kỹ thuật | - Ủy viên |
| 5. Ông Hà Minh Đức | - Q.Tr.P. Kinh doanh | - Ủy viên |
| 6. Ông Đỗ Đình Hòa | - PGD Nhà máy | - Ủy viên |

Điều 2: Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 của Công ty
- Tổ chức cấp phát tài liệu, phiếu biểu quyết của Đại hội cho đại biểu cổ đông.
- Phổ biến nội quy đại hội.

Điều 3: HĐQT, Ban tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban, bộ phận có liên quan và các ông bà có tên tại điều I chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- HĐQT, BKS, BDH
- Lưu VP, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
(Thời gian: ngày 19 tháng 06 năm 2014)**

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7h ÷ 7h30	* Văn nghệ chào mừng Đại hội	Đội văn nghệ
7h30 ÷ 8h00	I. Thủ tục khai mạc 1. Đón tiếp cổ đông, nhận tài liệu, thẻ biểu quyết 2. Chào cờ (Đ/c Lê) 3. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu khách mời (Đ/c Lê) 4. Báo cáo xác nhận tư cách đại biểu cổ đông tham dự Đại hội (Đ/c Khanh) 5. Mời Chủ tịch HĐQT lên chủ tọa đại hội (Đ/c Khanh) 6. Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký (Đ/c Đức)	Ban tổ chức
	II. Nội dung Đại hội	
8h00 ÷ 8h10	1. Khai mạc đại hội	Bà Vũ Thị Huyền Đức
8h10 ÷ 8h20	2. Thông qua chương trình Đại hội, nội quy Đại hội – Biểu quyết	Ông Nguyễn Mạnh Hà
8h20 ÷ 8h25	3. Bầu Ban kiểm phiếu - Biểu quyết	
8h25 ÷ 8h50	4. Báo cáo của HĐQT kết quả hoạt động năm 2014. Kế hoạch năm 2014, nhiệm vụ và các giải pháp; 5. Báo cáo quyết toán kinh phí của hoạt động của HĐQT và BKS năm 2013	Ông Ngô Văn Long
8h50 ÷ 9h05	6. Báo cáo quyết toán tài chính năm 2013 đã được kiểm toán và Kế hoạch tài chính năm 2014	Ông Lê Thanh Sơn
9h05 ÷ 9h25	7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm soát 2013; Kế hoạch nhiệm vụ năm 2014	Bà Phạm Thị Mơ
9h25 ÷ 9h40	8. Nội dung các tờ trình: - Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2014 - Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013. - Phê duyệt kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2014. - Ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2014 - Phê duyệt sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	Bà Vũ Thị Huyền Đức Ông Nguyễn Mạnh Hà
9h40 ÷ 10h10	9. Bầu cử thay thế thành viên BKS - Báo cáo nhân sự giới thiệu tham gia BKS Công ty (Phương án và Tờ trình)	Bà Vũ Thị Huyền Đức
	* Tiến hành bầu cử: - Thông qua Thẻ lệ bầu cử - Phát phiếu bầu - Kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu

10h10 ÷ 10h20	<i>Nghỉ giải lao – Văn nghệ</i>	
10h20 ÷ 10h30	10. Thảo luận các báo cáo và tờ trình	Bà Vũ Thị Huyền Đức
10h30 ÷ 11h00	11. Báo cáo kết quả bầu cử	Ban kiểm phiếu
11h00 ÷ 11h20	12. Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình	Bà Vũ Thị Huyền Đức
	III. Kết thúc đại hội	
11h20 ÷ 11h40	1. Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội	Đoàn thư ký
	2. Biểu quyết Nghị quyết đại hội	Đoàn chủ tịch
	3. Bế mạc đại hội	Bà Vũ Thị Huyền Đức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

NỘI QUY LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG NÔNG CỐNG
Ngày 19 tháng 06 năm 2014

Nội quy này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự Đại hội và các bên tham gia Đại hội; quy định về điều kiện và thủ tục tiến hành Đại hội, thể thức biểu quyết công khai.

Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Vì quyền lợi của cổ đông và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

- Là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công ty đến ngày 18/5/2014. Trường hợp cổ đông không thể tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác theo mẫu của Công ty.

Điều 3. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc sạch sẽ, gọn gàng, lịch sự, trang nhã.
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong Hội trường Đại hội.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự Đại hội mang theo chứng minh nhân dân (bản chính hoặc bản sao công chứng) hoặc hộ chiếu, giấy mời đại hội, giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự đại hội) cho Ban kiểm tra tư cách đại biểu và được nhận thẻ biểu quyết công khai và phiếu bầu.

3. Có quyền phát biểu trực tiếp tại Đại hội hoặc ghi ý kiến vào phiếu ghi ý kiến đóng góp và gửi cho Ban tổ chức Đại hội giải quyết, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội. Khi có nhu cầu phát biểu trực tiếp tại Hội trường, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải đăng ký với Đoàn chủ tịch Đại hội. Khi được mời phát biểu cổ đông phải nêu rõ tên và trình bày nội dung cần phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn, gọn, đúng trọng tâm phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội được thông qua. Chủ tọa sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền có nghĩa vụ đến dự đại hội đúng giờ, trong trường hợp đến muộn vẫn được tham dự và tham gia biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

5. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tịch đoàn và Ban tổ chức Đại hội, không gây rối hoặc gây mất trật tự trong Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch đoàn và thư ký Đại hội

1. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết Chủ tịch đoàn để điều khiển Đại hội

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa

a. Điều khiển Đại hội đúng theo chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội cổ đông thông qua.

b. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

c. Có quyền hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự đại hội theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm đại hội trong các trường hợp sau:

- Địa điểm đại hội không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự đại hội.

- Có người dự đại hội có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho đại hội không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

d. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

e. Quyết định về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

3. Ban thư ký có trách nhiệm:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội.

b. Tiếp nhận chuyển cho chủ tịch đoàn phiếu đóng góp ý kiến của các cổ đông.

c. Lập biên bản đại hội và soạn thảo nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

d. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tịch đoàn.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu Đại hội đồng cổ đông thường niên có trách nhiệm:

a. Kiểm tra điều kiện tham dự Đại hội của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự đại hội, kiểm tra tỉ lệ cổ đông dự Đại hội.

b. Phát thẻ biểu quyết và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

c. Báo cáo kết quả kiểm tra điều kiện tiến hành tham dự Đại hội

2. Ban kiểm tra tư cách đại biểu có quyền trưng cầu, huy động bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có 5 người do Chủ tịch đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm.

a. Thông báo thể thức bầu cử thành viên BKS.

b. Hướng dẫn cách sử dụng thẻ biểu quyết công khai và phiếu bầu.

c. Tiến hành kiểm đếm thẻ biểu quyết công khai (nếu bầu bằng thẻ biểu quyết) hoặc phiếu bầu, tổng hợp và công bố kết quả bầu cử.

2. Chủ tọa thành lập bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu để hoàn thiện nhiệm vụ của mình.

Điều 8. Trình tự tiến hành Đại hội

Được quy định tại các Điều 27, 28, 29 và 30 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 9. Biểu quyết thông qua các vấn đề của Đại hội

1. Tất cả các vấn đề chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông bằng phiếu biểu quyết (trừ các vấn đề được thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín). Mỗi cổ đông tham dự Đại hội sẽ được cấp phiếu biểu quyết tương ứng số cổ phần được quyền biểu quyết. Phiếu biểu quyết ghi thông tin về cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết.

2. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ phiếu biểu quyết công khai.

3. Đại hội thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách xác định số phiếu biểu quyết tán thành, sau đó xác định số phiếu biểu quyết không tán thành cuối cùng xác định số phiếu biểu quyết có ý kiến khác. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc đại hội.

Điều 10. Bầu cử thành viên BKS

1. Nguyên tắc bầu cử: Bầu cử trực tiếp bỏ phiếu kín

2. Phương thức bầu cử và các nội dung khác: Được thể hiện trong Thẻ lệ bầu cử đính kèm trong tài liệu đại hội.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 352 TT/CPMĐNC-HĐQT

Thanh hoá, ngày 10 tháng 06 năm 2014

TỜ TRÌNH

Dự kiến Ban kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông 2014

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2014

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

I. Thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu gồm các ông (bà) có tên sau:

- | | |
|--|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Khanh - Phó TGD | - Trưởng ban |
| 2. Ông Lê Thanh Sơn - Tr.P. TC - KT | - Phó ban |
| 3. Ông Tào Nguyên Cường - Q. Tr.P Kỹ thuật | - Uỷ viên |
| 4. Ông Đỗ Đình Hòa - PGĐ Nhà máy CBD | - Uỷ viên |
| 5. Ông Hà Minh Đức - Q. Tr.P. Kinh doanh | - Uỷ viên |

II. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

1. Tiến hành kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 về các nội dung mà Đoàn chủ tịch xin ý kiến của đại hội bằng biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.

2. Tiến hành bầu cử bổ sung thành viên BKS gồm có:

- Phổ biến và thực hiện nghiêm túc thể lệ bầu cử bổ sung thành viên BKS được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

- In ấn và phát hành phiếu bầu thành viên BKS theo số cổ phần của cổ đông tham dự Đại hội năm 2014.

- Kiểm phiếu bầu cử thành viên BKS theo thể lệ bầu cử; Tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập biên bản báo cáo Đại hội phê chuẩn.

3. Các thành viên Ban kiểm phiếu phải trung thực, nghiêm túc thực hiện chuẩn mực các nội dung biểu quyết và bầu cử theo quy phạm pháp luật, điều lệ, quy định Công ty ban hành.

4. Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước ĐHĐCĐ về tính chính xác của kết quả kiểm phiếu.

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận:

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH.
- HĐQT, BKS, BĐH.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2014**

**Kính thưa: Quý vị cổ đông
Quý vị đại biểu, khách quý.**

Hội đồng quản trị Công ty CP Mía đường Nông Cống xin báo cáo tình hình, kết quả hoạt động SXKD năm 2013; kế hoạch SXKD, những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp tổ chức thực hiện năm 2014 như sau:

**PHẦN I:
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2013**

I. Đặc điểm tình hình:

Năm 2013, nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm, sức mua giảm sút nghiêm trọng. Ngay từ đầu năm, Chính phủ đã phải ban hành 2 Nghị quyết để chỉ đạo điều hành nền kinh tế, đó là Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 7/01/2013 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 7/01/2013 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

Đối với ngành mía đường thì lại càng khó khăn hơn khi giá đường liên tục giảm sâu, sản lượng đường tồn kho với số lượng lớn; bên cạnh đó tình trạng đường nhập lậu tràn lan, khó kiểm soát, thị trường nội địa sức mua yếu, thị trường xuất khẩu bấp bênh và chịu nhiều sức ép về giá, giá bán đường liên tục sụt giảm, nhất là thời điểm tháng 12/2013 khi các nhà máy tập trung ồ ạt tung sản phẩm ra thị trường, giá đường có lúc xuống đến 13.000 đ/kg.

Đối với Công ty cổ phần Mía đường Nông Cống, ngoài các khó khăn chung kể trên, Công ty còn phải đối mặt với vấn đề vùng nguyên liệu đang bị thu hẹp do chịu tác động của các cây trồng khác như cây keo, cây sắn có hiệu quả hơn và đặc biệt là 02 Dự án mới được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp phép: Dự án của Công ty CP ứng dụng công nghệ cao nông nghiệp và thực phẩm sữa TH, với diện tích đất sử dụng là 2.930 ha trên địa bàn các xã huyện Như Thanh và Nông Cống và Dự án trang trại bò sữa Thanh Hóa 2 cho Công ty VINAMILK tại xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh.

Dự báo được tình hình khó khăn, HĐQT, Ban tổng giám đốc đã bám sát các chỉ thị, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và Tổng công ty Mía đường I, đề ra chương trình hành động thiết thực, đưa ra những quyết sách đúng đắn và Ban điều hành đã vận dụng linh hoạt và quyết liệt để tăng cường quản lý vùng nguyên liệu, hạn chế giảm thiểu diện tích; đồng thời sâu sát, thiết thực trong quản lý sản xuất kinh doanh, thực hiện tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm.

Trong công tác tiêu thụ đã thường xuyên bám sát sự biến động của thị trường, tìm kiếm đối tác và khách hàng để xây dựng mạng lưới tiêu thụ ổn định, lâu dài; kết nối có hiệu quả trong nội khối Tổng Công ty, thực hiện đồng bộ các giải pháp và hành động thiết thực, chủ động ứng phó kịp thời với những bất lợi của thị trường, tăng cường công tác dự báo và nắm bắt thông tin thị trường.

Bên cạnh đó, được sự giúp đỡ của lãnh đạo các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương; cùng với sự nỗ lực phấn đấu của CB-CNV Công ty, năm 2013 Công ty đã giành được những kết quả quan trọng, đó là:

II. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013:

1. Các chỉ tiêu chủ yếu của SXKD năm 2013:

TT	Chi tiêu	ĐVT	TH năm 2012	KH và NQ năm 2013	TH năm 2013	So sánh TH 2013 /TH 2012	So sánh TH 2013 /KH2013	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4=(3:1)	5=(3:2)	
I	Sản xuất nông nghiệp							
1	Diện tích thu hoạch	Ha	5.460	6.342,0	6.260,8	114,67	98,72	
2	Sản lượng mía nguyên liệu	Tấn	253.909,4	300.000	321.167,9	126,49	107,06	
3	Năng suất	T/ha	46,5	47,3	51,3	110,32	108,46	
4	Sản lượng mía tự đầu tư	Tấn	27.219					
5	Tổng sản lượng	Tấn	281.128,4	300.000	321.167,9	114,2	107,06	
6	Chất lượng mía	CCS	9,47	9,7	10	105,6	103,09	
7	Tiêu hao mía/đường	T/T	10,56	10,2	10,04	95,07	98,43	
II	Giá trị SXCN (CĐ 1994)	Tr.đ	154.713,9	167,541	180,523	116,68	107,75	
III	Sản phẩm công nghiệp							
1	Đường kính trắng RS	Tấn	26.620,85	29.411,8	31.991,75	120,18	108,77	
2	Phân bón vi sinh các loại	Tấn	12.652,73	11.100	10.463,55	82,70	94,27	
3	Nước TNTK	1000l	2.591,11	2.500	2.601,00	100,38	104,04	
4	Mật rỉ	Tấn	12.422	9.170	13.563,87	109,19	147,92	
IV	Sản phẩm tiêu thụ							
1	Đường kính trắng RS	Tấn	27.922,94	29.411,8	30.108,80	107,83	102,37	
2	Phân bón vi sinh	Tấn	12.748,5	11.100	11.277,77	88,46	101,60	
3	Nước TNTK	1000l	2.568,76	2.500	2.661,89	103,63	106,48	
4	Mật rỉ	Tấn	12.968,36	9.170	15.430,05	118,98	168,27	
V	Doanh thu	Tr.đ	544.269,9	473.813,3	516.947,02	94,98	109,10	
1	Doanh thu bán sản phẩm	Tr.đ	527.310,6	473.813,3	510.383,73	96,79	107,72	
2	Doanh thu HĐTC	Tr.đ	10.729,98		5.909,35	55,07		
3	Doanh thu khác	Tr.đ	6.229,34		653,94	10,50		
VI	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	12.470,85	4.645,63	27.699,82	221,12	596,26	
VII	Nộp ngân sách NN	Tr.đ	14.223,00	16.574,29	21.982,73	154,56	132,63	
VIII	Thu nhập bq ng/tháng	1000đ	4.427,23	4.574,5	4.640	104,81	101,43	

2. Đánh giá những kết quả đạt được năm 2013.

2.1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2013 như: Sản lượng, chất lượng mía nguyên liệu; sản lượng các sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận đều đạt và vượt chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 đề ra, đồng thời tăng trưởng cao hơn so với thực hiện năm 2012.

Tuy nhiên, vẫn còn một số chỉ tiêu quan trọng chưa đạt hoặc đạt nhưng chưa thật bền vững như: Diện tích, năng suất và chất lượng mía nguyên liệu từ đó đã tác động lớn đến giá thành, hiệu quả của doanh nghiệp và thu nhập của người trồng mía.

- Giá trị tổng sản lượng: Đạt 180,523 tỷ đồng, bằng 107,7% KH, tăng 16,7% so với thực hiện năm 2012.

- Diện tích thu hoạch đạt 6.260,8 ha bằng 98,7% KH và tăng 14,67% so với thực hiện năm 2012.

- Năng suất mía nguyên liệu đạt 51,3 tấn/ha vượt 8,46% KH, tăng 10,32% so với năng suất thực hiện năm 2012.

- Sản lượng mía sạch: Đạt 321.167,9 tấn, bằng 107,06% KH, tăng 14,2% so với thực hiện năm 2012 (SL toàn bộ năm 2012 là 281.128,4 tấn).

- Sản lượng đường: Đạt 31.991,75 tấn, bằng 108,8% so KH, tăng 20,2% so với thực hiện năm 2012.

- Doanh thu đạt 516,947 tỷ đồng, bằng 109,1 % KH, bằng 94,9% so với thực hiện năm 2012.

- Lợi nhuận trước thuế: Đạt 27.699,8 tỷ đồng, bằng 596,26% so với KH, tăng 121,12% so với thực hiện năm 2012.

- Nộp ngân sách đạt 21.982,7 tỷ đồng, bằng 132,6% KH, tăng 54,56% so với thực hiện năm 2012.

- Thu nhập bình quân đạt 4,640 triệu đồng, bằng 101,4% KH, tăng hơn so với thực hiện năm 2012 là 4,8%.

2.2 Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

2.2.1. Công tác nguyên liệu:

Năm 2013, HĐQT và Ban TGD Công ty đã chỉ đạo và tổ chức thực hiện quyết liệt trong lĩnh vực nông nghiệp: Tập trung đánh giá, rà soát, phát triển và mở rộng diện tích, tăng cường dân vận, tăng cường hướng dẫn QTKT cho các hộ nông dân trong việc trồng và chăm sóc mía; tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ nguyên liệu và các hộ dân trồng mía; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả giai đoạn đầu Đề án phát triển nguyên liệu giai đoạn 2013-2018, vì vậy diện tích vùng nguyên liệu đến nay đã phát triển mở rộng và cơ bản ổn định; năng suất, sản lượng có sự tăng trưởng khá so với các năm trước đây. Kết quả đạt được trên các mặt như sau:

- Diện tích mía năm 2013 đạt 6.260,8 ha/KH được giao 6.342,0 ha, bằng 98,72% kế hoạch đề ra. Trong đó diện tích trồng mới 674,7 ha/KH 1.430,5 ha bằng 48,5% KH, trồng lại 1.424,2 ha/KH 1.477,2 ha bằng 96,4% KH, lưu gốc 4.161,9 ha/ KH 3.434,3 ha bằng 122,2 % KH.

- Diện tích trồng mía thuần đạt 119,65 ha/KH 150 ha = 79,8%. Công tác kiểm tra, đánh giá giống thuần được thực hiện nghiêm túc, thông qua chương trình giống thuần vụ 2013-2014 sẽ cung cấp cho vùng nguyên liệu một lượng giống đáng kể, đạt chất lượng cao, khắc phục tình trạng lẫn giống, giảm lượng giống du nhập bên ngoài có chi phí cao.

- Diện tích mía thâm canh đạt 417,5 ha, năng suất bình quân đạt trên 70 tấn/ha. Hiện tại Công ty đang tích cực triển khai và nhân rộng mô hình này trên toàn vùng nguyên liệu.

- Tổng đầu tư toàn vùng năm 2013 là 125,521 tỷ đồng (KH 156,351 tỷ đồng), đạt 80,28% KH, bình quân đầu tư là 17.171.900 đồng/ha.

- Chính sách hỗ trợ: Công ty đã hỗ trợ cho các hộ trồng mía trên toàn vùng nguyên liệu 12.1563 tấn mùn đã qua xử lý và 3.560 lít phân qua lá (POWER) để chăm sóc cho mía, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng mía.

- Công tác làm đất: Đã thực hiện đúng QTKT nên chất lượng làm đất tốt hơn. Vụ 2013-2014 Công ty đã đầu tư cho vay mua bổ sung 10 máy cày (gồm 5 máy xích và 5 máy hơi) để tăng cường năng lực làm đất, đảm bảo độ cày sâu và khả năng cày trên diện tích đất đồi dốc. Công tác nghiệm thu làm đất cũng được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định.

- Về công tác chăm sóc: Công ty thường xuyên quan tâm, chỉ đạo quyết liệt, tăng cường cán bộ xuống vùng nguyên liệu để kiểm tra đồng ruộng, tích cực chỉ đạo trong việc làm cỏ kết hợp với việc tỉa định cây, đánh lá chân, đã hạn chế được sâu bệnh do công tác theo dõi và phòng trừ sâu bệnh kịp thời. Đầu năm 2013, Công ty đã nỗ lực chống hạn cứu mía, thông qua chính sách đầu tư cho vay tiền mua máy bơm để bơm nước chống hạn kết

hợp với tuyên truyền, vận động bà con nông dân tham gia tích cực chống hạn nhằm giảm thiệt hại xuống mức thấp nhất.

- Công tác bón phân: Do thời tiết khô hạn, song với sự nỗ lực vận động, nâng cao nhận thức của người dân, tích cực phổ biến cho nông dân về phương pháp bón trong điều kiện khô hạn, chủ động nhận phân bón, chờ khi thời tiết thuận lợi, có mưa để bón phân chăm sóc kịp thời.

- Về tình hình sâu bệnh và công tác phòng trừ: Năm 2013, xuất hiện nhiều loại sâu, bệnh gây hại cho mía. Với phương châm phòng là chính, công ty đã tăng cường công tác kiểm tra, sâu sát đồng ruộng, chủ động phát hiện và đề ra phương pháp phòng ngừa hợp lý, sử dụng các loại thuốc phun kết hợp với phân qua lá để phòng trừ. Vì vậy, tình hình sâu bệnh trên vùng nguyên liệu được kiểm soát và hạn chế tối đa sự lây lan, triệt phá ngay từ ổ nhóm nhỏ, không để phát triển thành dịch.

- Công tác điều hành thu hoạch, vận chuyển đã có nhiều tiến bộ, xây dựng phương án vào vụ được chuẩn bị kỹ lưỡng. Vụ 2013-2014 công ty có chính sách đầu tư cho vay mua xe vận tải (bổ sung 34 xe vận tải cho những địa bàn trọng yếu) nên đã đáp ứng được năng lực vận tải; phương án thu hoạch được lập chi tiết, phối hợp chặt chẽ giữa chế biến với nguyên liệu để điều phối đôn chặt và vận chuyển, đảm bảo cân đối, đủ mía ép, hạn chế đứt mía và không phải chờ mía khi thời tiết xấu và khi hết vụ.

- Công tác thanh toán: Thực hiện nhanh gọn, kịp thời. Với phương châm xong đến đâu thanh toán dứt điểm đến đó, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người trồng mía trong việc thanh toán nên đã tạo được niềm tin và uy tín của Công ty đối với chính quyền và nhân dân trong vùng nguyên liệu.

- Công tác thu hồi công nợ: Năm 2013 đã thu hồi triệt để vốn đầu tư không để âm nợ và thu hồi nợ cũ được 1,224 tỷ đồng (KH 1,062 tỷ đồng), đạt 115,2% KH. Bên cạnh đó Công ty đã tích cực tổ chức đối chiếu, xác nhận công nợ đầu tư vùng nguyên liệu còn tồn đọng các năm trước, phân loại đối tượng nợ để có giải pháp xử lý theo đúng quy định.

Tồn tại hạn chế: Bên cạnh những kết quả đạt được, năm 2013 cũng còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, đó là:

- Vùng nguyên liệu được mở rộng nhưng chưa mang tính ổn định và bền vững, còn nhiều diện tích đồi dốc cao, manh mún, không tập trung. Năng suất bình quân và thu nhập của người trồng mía vẫn còn thấp. Việc chuyển dịch diện tích mía xuống đất lúa, đất màu một vụ, đất vườn tạp không được nhiều do diện tích đất manh mún, nhỏ lẻ. Cơ cấu giống từng trạm nguyên liệu chưa hợp lý, tỷ lệ giống thuần còn thấp, giống bị lẫn tạp nhiều. Việc đôn điền, đổi thửa tạo ra cánh đồng mẫu lớn, tạo ra diện tích liên vùng cùng trà khác hộ còn chậm và chưa quyết liệt.

- Công tác làm đất và trồng mới trồng lại vẫn còn nhiều hộ dân chưa thực hiện đúng quy trình kỹ thuật. Khi xử lý đất và chọn giống vẫn chưa loại bỏ hết gốc mía cũ, chưa chọn kỹ giống trước khi trồng vẫn để lẫn tạp. Đối với diện tích mía thuần, mía liên vùng cùng trà khác hộ đã được công ty tập huấn trước khi trồng nhưng các hộ dân vẫn chưa thực hiện đúng quy trình kỹ thuật Tiến độ trồng mới, trồng lại chậm, việc chăm dặm và chăm sóc diện tích mía mất mật độ còn nhiều hạn chế.

- Công tác chăm sóc: Vẫn còn xảy ra hiện tượng bón chưa đúng QTKT, lượng bón thấp (chỉ đạt bình quân khoảng 2,0 tấn/ha), tỷ lệ N, P, K chưa thật cân đối. Số diện tích chưa cày lợng, cuốc hố để bón phân, bón phân trên mặt còn chiếm khoảng 5-10%.

- Mía lưu gốc sau khi thu hoạch để lại lá nhằm giữ độ ẩm, không cháy đất khi nắng hạn, hạn chế cỏ mọc, lá mía phân hủy tăng lượng mùn cho đất... thực hiện chưa nhiều, cơ bản dân vẫn đốt lá theo thói quen tập quán canh tác. Tuy nhiên đến vụ 2013-2014 đã có nhiều địa bàn có chuyển biến tích cực hơn, diện tích không đốt lá đã tăng lên.

- Công tác tổ chức thu hoạch, vận chuyển vụ 2012-2013 ở một số đơn vị chưa được thực hiện nghiêm túc, còn để xảy ra CHĐ, hộ trồng mía thu hoạch vượt lệnh, xếp mía không

đúng quy định, lái xe chọn bãi bốc xếp, mía để tồn lâu trên ruộng, không vận chuyển được, gây nên tiêu cực và bức xúc cho người trồng mía, ảnh hưởng đến chất lượng khi đưa vào sản xuất chế biến. Việc tổ chức thu hoạch vẫn để mía lẫn nhiều tạp chất, còn chậm thu hoạch đối với một số diện tích giống chín sớm để ra hoa trở bông làm giảm chất lượng mía.

2.2.2. Thực hiện Đề án phát triển vùng nguyên liệu giai đoạn 2013 – 2018:

Năm 2013, HĐQT Công ty đã phê duyệt và triển khai thực hiện Đề án phát triển vùng nguyên liệu giai đoạn 2013-2018. Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, bước đầu cũng đã có những chuyển biến rất tích cực, làm thay đổi nhận thức, tư duy trong cán bộ nguyên liệu về việc phát triển diện tích, phát triển cây mía trên vùng nguyên liệu. Năm 2013 bước đầu đã triển khai và đạt được những kết quả như sau:

- Điều tra diện tích giảm do hạ độ dốc, đất nhỏ lẻ manh mún, đất xấu bạc màu, do khó khăn về đường giao thông và diện tích do các chủ hộ không có khả năng trồng mía.
- Phân loại đất (mía đứng) theo đặc điểm thổ nhưỡng, độ dốc, địa hình (đồi, bãi).
- Điều tra diện tích trồng mới, trồng lại vụ 2014-2015.
- Điều tra mức độ lẫn tạp của các loại giống.
- Tập trung xây dựng các mô hình nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, làm điem và tiến hành nhân rộng ra toàn vùng. Các mô hình đang thực hiện gồm: Mô hình sản xuất mía hè thu; Mô hình bón vôi để cải tạo đất; Mô hình để lại lá sau thu hoạch; Mô hình làm đất bằng phương pháp cày không lật; Mô hình thâm canh, luân canh, trồng xen cây họ đậu để cải tạo đất; Mô hình trồng mía giống thuần, trồng tiết kiệm giống; Mô hình liên vùng cùng trà khác hộ.
- Xây dựng QTKT bón phân; xây dựng quy trình làm đất, phương pháp làm đất, phương pháp chọn giống, chăm sóc, công thức bón phân cho từng loại đất (theo nông hóa, thổ nhưỡng, theo độ dốc) và đang triển khai thực hiện trên toàn vùng.
- Xây dựng tài liệu, giáo trình và tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ nông vụ (gồm 7 chuyên đề, với tổng số 63 người tham gia). Tập huấn cho các chủ HD, hộ trồng mía và chuyên gia QTKT trồng, chăm sóc, thu hoạch tới các hộ trên toàn địa bàn (năm 2013 đã tập huấn tổng cộng 16 lớp/3 huyện, với 2.214 lượt người tham gia). Thông qua tập huấn, với nội dung và phương pháp được đổi mới, có nhiều hình ảnh minh họa trực quan sinh động từ thực tiễn nên các hộ trồng mía đã cơ bản nắm bắt được QTKT, nâng cao nhận thức, được chính quyền địa phương đồng tình ủng hộ và đánh giá cao.

*** Tồn tại, hạn chế:**

- Xây dựng và triển khai các mô hình chưa nhiều, chưa quyết liệt. Kết quả thực hiện một số mô hình làm chưa tốt nguyên nhân là do cán bộ nguyên liệu chưa nghiêm túc, quyết liệt khi triển khai, công tác kiểm tra của Phòng NL và Trạm chưa thường xuyên để phát hiện xử lý kịp thời, công tác phối hợp của CBNL và Trạm NL với Ban chỉ đạo mía xã và chính quyền địa phương làm chưa tốt, chưa thường xuyên.

2.2.3. Công tác sản xuất chế biến công nghiệp:

Vụ sản xuất 2012-2013: Vận hành thiết bị an toàn, luôn duy trì công suất ép cao, công suất ép bình quân thực tế đạt trên 2.300 tấn mía/ngày, thiết bị hoạt động ổn định, năng lực xử lý các sự cố thiết bị nhanh, hiệu quả tốt nhất, giảm thời gian ngừng ép, chất lượng sản phẩm được nâng lên rõ rệt, đạt tỷ lệ phẩm cấp, không để tình trạng ướt đầu bao, xuống màu, vón cục như các năm trước đây.

Tiêu hao nguyên nhiên vật liệu hầu hết các loại vật tư, hóa chất phục vụ chế biến đều giảm hơn so với định mức kinh tế kỹ thuật mà HĐQT phê duyệt như: NaOH giảm 11,41%, củi giảm 93,21%, lưu huỳnh giảm 7,91%, H₃PO₄ giảm 26,23%, nước công nghiệp giảm 36,78%, dầu mỡ bôi trơn giảm 15,79%.

Lao động trên dây chuyền được bố trí hợp lý, hiệu quả hơn, ý thức trách nhiệm được nâng lên. Công tác chỉ huy và điều độ sản xuất đã có nhiều tiến bộ, cán bộ và công nhân đều bám sát nhà máy, đang dần làm chủ dây chuyền thiết bị và công nghệ sản xuất.

Công tác an toàn lao động, PCCN được duy trì và cải thiện, không để xảy ra các vụ tai nạn đáng tiếc nào. Công tác môi trường và vệ sinh công nghiệp được quan tâm và kiểm soát chặt chẽ, nhà xưởng sạch sẽ, xử lý nước thải chất thải ra môi trường đảm bảo đúng quy định, được các cơ quan chuyên ngành kiểm tra và cho phép thải.

Bước sang vụ sản xuất 2013-2014, ngay từ đầu vụ, công tác sản xuất được chuẩn bị chu đáo, hoàn thành công tác sửa chữa và tổ chức xuống mía đúng kế hoạch đề ra (xuống mía vào ngày 22/11/2013). Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được duy trì và thực hiện tốt hơn, nhất là chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, độ mầu bình quân từ 110-125 IU, có sự thay đổi lớn về chất lượng đường, được khách hàng đánh giá tốt, góp phần tháo gỡ khó khăn trong công tác tiêu thụ. Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất được thực hiện tốt và hoàn toàn chủ động về công nghệ, kiểm soát được chất lượng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tại các tổ sản xuất được ghi chép, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh kịp thời.

*** Tồn tại, hạn chế :**

Vụ ép 2012-2013, sản lượng mía nhiều, vượt ngoài dự kiến, phải duy trì công suất ép cao (bình quân thực tế 2.380 tấn mía/ngày) dẫn đến năng lực thiết bị không đáp ứng được công suất, nhiều thiết bị chạy quá tải (như lò hơi quá tải, cấp cho chế luyện lượng hơi không đáp ứng được nhu cầu công nghệ). Việc ép cao dẫn đến một số công đoạn chưa đạt chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đặt ra như: Pol bùn, pol bã còn cao, ảnh hưởng đến hiệu suất tổng thu hồi.

Thời gian đầu vụ ép 2013-2014: Do chậm tiến độ đưa lò hơi mới vào sản xuất, trong khi vẫn phải duy trì ép cao ngay từ đầu vụ nên việc cân bằng dây chuyền gặp nhiều khó khăn, thiếu hơi, thiếu điện, lò hơi cũ luôn làm việc quá công suất để cung cấp đủ hơi kéo theo nhiều khối bụi; tại khâu ép mía, thường xảy ra sự cố về xích băng tải trung gian do khâu khảo sát thiết kế làm chưa tốt và vật liệu chế tạo trong nước chưa đạt yêu cầu. Một số chỉ tiêu công nghệ chưa thật ổn định, chỉ tiêu Pol bã còn cao. Định mức tiêu hao một số loại vật tư, hóa chất dùng cho chế luyện như vôi, lưu huỳnh, HCL, Na_3PO_4 , H_3PO_4 , củi đốt lò.... đã thực hiện cao hơn so với định mức.

Sản xuất phân bón đã đáp ứng đủ lượng phân bón phục vụ cho kế hoạch trồng và chăm sóc mía nguyên liệu của Công ty. Nhưng thực tế định mức lao động vẫn còn cao do nhiều công đoạn làm thủ công và sử dụng chủ yếu là lao động thời vụ dẫn đến giá thành cao, khó cạnh tranh, nhất là sản phẩm phân bón cho lúa.

Sản xuất nước TNNK đã đi vào ổn định, sắp xếp lao động hợp lý, bước đầu đã kiểm soát được chi phí và giá thành, năng suất lao động được nâng lên, kinh doanh bước đầu đã thoát khỏi lỗ và có lãi, song hiệu quả còn thấp, công tác đánh giá thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh còn yếu, việc phát triển và mở rộng thị trường còn chậm, việc kết hợp bán đường cho các đại lý tiêu thụ nhỏ lẻ tại các huyện đang được triển khai, bước đầu mang lại hiệu quả góp phần tăng thu nhập cho người lao động.

2.2.4. Công tác sửa chữa, cải tạo thiết bị:

Ngay sau khi kết thúc vụ ép, Công ty đã tổ chức đánh giá thực trạng thiết bị, kiểm tu, lập kế hoạch sửa chữa, chuẩn bị nhân công và vật tư cần thiết để thực hiện công tác sửa chữa. Sau khi có kết quả phê duyệt KHSC của HĐQT, TGD ký hợp đồng giao khoán công với Nhà máy chế biến đường, nhà máy giao lại cho từng tổ đội sản xuất để các đơn vị chủ động thực hiện sao cho có hiệu quả nhất. Phòng kỹ thuật phối hợp cùng Ban giám đốc nhà máy kiểm tra, giám sát, nghiệm thu thiết bị sửa chữa, đơn đốc tiến độ sửa chữa, tiến độ cung cấp và chất lượng vật tư thiết bị đưa vào sửa chữa. Năm 2013, Công ty đã thực hiện cải tạo sửa chữa lớn các hạng mục:

+ Lắp mới 02 bộ thu hồi đường cho nồi nấu đường 30m^3 và 20m^3 .

- + Thay mới ống Inox và sửa chữa thân nồi bốc hơi 425m².
- + Cải tạo lại thùng lắng chìm.
- + Cải tạo sàng phân loại đường thành phẩm.
- + Cải tạo lại bàn lửa và trục khóa bằng.
- + Đắp nhám bề mặt răng lô.
- + Cải tạo hệ thống nước ngưng tụ các nồi nấu.
- + Thay đổi kết cấu xích các băng tải mía trung gian.
- + Chế tạo mới tủ AVR máy phát 1,5MW và vi điều khiển AVR máy phát 3MW.

Các thiết bị trên sau khi cải tạo đưa vào vận hành đã phát huy hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả chế biến trong nhà máy: Việc lắp mới bổ sung 02 bộ thu hồi đường đã tận thu triệt để lượng đường tổn thất tại các nồi nấu, giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước tuần hoàn cung cấp cho tủy tạo chân không, nâng cao hiệu quả sử dụng lại nguồn nước để giảm lượng nước phải mua, đồng thời giảm lượng nước xả thải ra môi trường. Thay mới ống Inox và sửa chữa nồi bốc hơi 425m² đảm bảo đủ diện tích truyền nhiệt cho hệ thống bốc hơi làm việc khi nâng công suất ép, hiệu quả truyền nhiệt cho nồi bốc hơi được tốt hơn. Cải tạo lại thùng lắng chìm đã giảm tổn thất nhiệt, rút ngắn thời gian lưu dung dịch nước mía, tăng chất lượng chèn trong. Cải tạo sàng phân loại đường thành phẩm khắc phục được các sự cố thường xảy ra trong quá trình làm việc. Cải tạo lại bàn lửa và trục khóa bằng đã nâng sức chứa mía trên bàn lửa, đáp ứng tốt cho việc nâng công suất ép, đồng thời thay đổi chiều làm việc của trục khóa bằng đã làm cho công nhân thao tác xuống mía dễ hơn, đều hơn, mía ít bị rối hơn. Đắp nhám bề mặt răng lô để tăng tuổi thọ làm việc của các quả lô ép, tăng hiệu quả kéo mía, đảm bảo hiệu suất ép đạt cao nhất...Nhìn chung, phần lớn các hạng mục cải tạo đạt yêu cầu, đủ khả năng vận hành ổn định ở công suất ép 2.700 TMN – 3.000 TMN.

2.2.5. Dự án nâng công suất giai đoạn I lên 2.700 TMN:

Năm 2013, Công ty đã triển khai thực hiện dự án nâng công suất nhà máy giai đoạn I từ 2.100 TMN lên 2.700 TMN, gồm các hạng mục: Cải tạo nâng công suất lò hơi từ 25 tấn hơi/giờ lên 32 tấn hơi/giờ; Lắp mới 02 thiết bị gia nhiệt có diện tích truyền nhiệt 200m²/chiếc; Lắp mới 01 máy lọc chân không 58m²; Lắp mới 02 bơm nước 1.000m³/h phục vụ bơm nước tạo chân không cho nấu đường. Đến nay, các hạng mục thiết bị đã hoàn thành đưa vào vận hành tốt, đảm bảo cả về năng suất và chất lượng. Một số hạng mục do công ty tự thực hiện đã tiết kiệm được nhiều chi phí, rút ngắn thời gian thi công. Việc triển khai thực hiện dự án được thực hiện đúng trình tự theo các quy định của Nhà nước, các gói thầu được HĐQT phê duyệt trước khi thực hiện, quá trình thi công được kiểm tra giám sát chặt chẽ, thi công đảm bảo chất lượng công trình.

Tuy nhiên, hạng mục lắp đặt lò hơi chậm tiến độ nguyên nhân do thời tiết mưa nhiều trong giai đoạn thi công (tháng 7,8,9), do đơn vị thi công chưa tổ chức thi công tốt và chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà thầu liên quan khi thực hiện gói thầu.

Hiện nay Công ty đang khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thủ tục để tiến hành quyết toán Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy giai đoạn I.

2.2.6. Công tác tiêu thụ:

Năm 2013 tình hình tiêu thụ đường tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn bất lợi, lượng đường trong nước dư thừa, đường lậu gia tăng và xuất khẩu qua đường tiểu ngạch sang Trung Quốc rất chậm, trong khi tất cả các nhà máy đường trong nước đều tập trung sản phẩm lên biên giới từ đó đã có hiện tượng bán tháo, phá giá tại biên giới phía Bắc.

Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự kết nối và phối hợp có hiệu quả với Tổng công ty Mía đường I nên Công ty đã tổ chức tiêu thụ tốt, bám sát giá cả và sự biến động của thị trường, điều chỉnh linh hoạt, kịp thời, sản xuất đến đâu tiêu thụ hết đến đó, tiết kiệm chi phí bán hàng, không gây ứ đọng vốn, quay vòng vốn nhanh. Công tác

quản lý, thu hồi công nợ bán hàng được thực hiện tốt, không có tình trạng nợ đọng tiền hàng.

* Kết quả tiêu thụ: Sản lượng tiêu thụ năm 2013 đạt 30.108,805 tấn đạt 93,72% tổng sản lượng; giá bán bình quân cả VAT $\geq 14.028,1$ đ/kg. Tồn kho đến 31/12/2013 là 2.018 tấn.

2.2.7. Công tác kế hoạch:

Chủ động xây dựng và cân đối hợp lý kế hoạch sản xuất, sát sao từng tháng, từng quý, tăng cường các giải pháp kịp thời ứng phó với biến động của thị trường. Công tác phân tích, đánh giá và dự báo tình hình được thực hiện thường xuyên, theo dõi sát diễn biến hoạt động SXKD để có sự điều chỉnh hợp lý, linh hoạt và hiệu quả.

Chi phí sản xuất được kiểm soát và bám sát theo giá thành kế hoạch, thực hiện tiết kiệm, tiết giảm sâu các khoản chi phí, kết quả nhiều khoản mục chi phí được tiết kiệm hơn kế hoạch đề ra. Kết quả thực hiện tiết giảm sâu chi phí năm 2013 đạt: 6.906.859.000 đồng (Trong đó Nguyên vật liệu trực tiếp: 6.496.972.000 đồng; Chi phí sản xuất chung 257.310.000 đồng; Chi phí bán hàng 152.577.482 đồng).

Công tác mua sắm vật tư đã đi vào nề nếp, quy trình mua sắm, nhập, xuất vật tư được thực hiện tốt, tổ chức mua bán theo hình thức chào giá cạnh tranh, công khai, minh bạch, đảm bảo chất lượng. Kế hoạch mua sắm vật tư sát với nhu cầu thực tế, đảm bảo lượng dự trữ hợp lý, không để lãng phí vật tư và tồn kho lớn như những năm trước đây, tận dụng triệt để các loại vật tư tồn kho từ các năm trước để giảm mua ngoài.

2.2.8. Công tác tài chính:

Bộ máy kế toán sau khi được kiện toàn, sắp xếp lại đã có những chuyển biến tích cực, công tác hạch toán, kế toán đã phản ánh, cập nhật kịp thời, đúng chuẩn mực kế toán, chủ động triển khai các biện pháp để kiểm soát tài chính. Vật tư, tiền vốn được quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích; cân đối nguồn vốn đúng, đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ xấu, tập trung xử lý dứt điểm nợ tồn đọng các năm trước. Công tác báo cáo tài chính được thực hiện tốt hơn, công tác thanh toán được thực hiện nhanh gọn, kịp thời. Công tác kiểm tra, quyết toán tài chính, quyết toán đầu tư được thực hiện nghiêm túc, dứt điểm.

Cơ cấu nguồn vốn của Công ty hiện nay: Vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn thời điểm 31/12/2013 là 23,48%, tăng 5,08% so với năm 2012. Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn thời điểm 31/12/2013 là 76,52%, giảm 5,08% so với năm 2012. Lãi cơ bản/cổ phiếu năm 2013 là 10.562 đ/CP, tăng hơn 5.267 đồng so với năm 2012 (TH năm 2012 là: 5.267 đ/CP).

2.2.9. Công tác tổ chức, lao động - tiền lương:

HĐQT đã tập trung củng cố, rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, chia tách Phòng Kế hoạch - Cung tiêu thành 03 phòng (Phòng Kế hoạch vật tư, Phòng Kinh doanh và Phòng đầu tư XD) tháng 3/2013; bố trí lại lao động các phòng ban hợp lý hơn, chuyên nghiệp và chuyên sâu hơn; tinh giảm lao động trên dây chuyền, bố trí lao động dư thừa làm công việc khác, giảm được thuê lao động thời vụ.

Lựa chọn bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ trẻ, có năng lực, có triển vọng và tâm huyết với nghề nghiệp. Phối hợp tốt với Tổng công ty trong công tác quy hoạch cán bộ và tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả sau khi bố trí, cơ cấu lại đã hợp lý hơn, hiệu quả công việc, năng suất lao động được nâng lên.

Công tác tiền lương được thanh toán đầy đủ và kịp thời, các chế độ cho người lao động, đời sống tinh thần, việc làm và thu nhập của người lao động ngày càng được cải thiện.

3. Đánh giá công tác của Ban điều hành:

Ban điều hành đã triển khai thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của HĐQT, tuân thủ các quy định của Nhà nước, của điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Thường xuyên, sâu sát và quyết liệt chỉ đạo các hoạt động SXKD; chú trọng đến công tác phát triển ổn định bền vững vùng nguyên liệu và đang từng bước hoàn thiện các khâu sản xuất chế biến của Nhà máy đường.

Công tác quản lý điều hành luôn bám sát thực tế, chủ động, linh hoạt, đã có nhiều chuyển biến tích cực và hiệu quả hơn. Hàng tháng đều duy trì họp giao ban và các cuộc họp hội ý để xây dựng kế hoạch công việc và triển khai giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị phòng ban thực hiện, đồng thời trong các cuộc họp có phân tích, đánh giá kết quả thực hiện được trong tháng để thấy được các mặt mạnh, khắc phục các điểm yếu, đưa ra các chỉ đạo kịp thời để tổ chức thực hiện khắc phục các tồn tại. Sự nỗ lực và hoạt động có hiệu quả của BDH Công ty đã giúp cho HĐQT thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD hàng năm, mở rộng việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần vào phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Trong quá trình thực hiện giám sát năm 2013, HĐQT chưa thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong hoạt động của Ban điều hành của Công ty. HĐQT cũng không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo nào về công tác quản trị, điều hành của BDH. HĐQT đánh giá BDH hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ HĐQT giao.

4. Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội:

Hoạt động của các tổ chức chính trị và chính trị xã hội luôn được giữ vững và phát triển. Đảng bộ Công ty liên tục được Huyện ủy Nông Cống công nhận là đảng bộ trong sạch vững mạnh. Công đoàn Công ty đã thực hiện tốt các chức năng tuyên truyền vận động công nhân viên chức hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của đơn vị và xây dựng đơn vị có các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển vững mạnh và toàn diện.

Thường xuyên chăm lo tới việc làm, thu nhập và đời sống của CBCNV; Khen thưởng và động viên kịp thời CBNV có thành tích. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên tham gia các hoạt động phong trào của Công đoàn, Đoàn thanh niên; tham gia chương trình giao lưu văn hoá thể thao mía đường và các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao với các địa phương và các xã vùng nguyên liệu.

5. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

5.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Từ sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 (23/6/2013) đến nay, HĐQT Công ty đã tổ chức họp 04 phiên định kỳ, mỗi quý họp 1 lần (Từ kỳ họp thứ 15 đến kỳ họp thứ 18) và 08 lần tổ chức xin ý kiến bằng văn bản các thành viên HĐQT. Tại các kỳ họp thành viên HĐQT đều tham dự đầy đủ, HĐQT đã đề ra các chủ trương, quyết nghị, triển khai chương trình nhiệm vụ công tác, đưa ra những giải pháp và tập trung chỉ đạo, giám sát hiệu quả. Các quyết nghị, chỉ thị của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên.

Năm 2013, hình thức hoạt động của HĐQT được cải tiến, khoa học, việc chuẩn bị tài liệu và tổ chức các cuộc họp của HĐQT đã được cải thiện nhiều (Nội dung cuộc họp được thực hiện thông qua hình thức trình chiếu); Phiếu xin ý kiến thành viên HĐQT được trao đổi qua Email và Fax nên giảm thiểu thời gian và chi phí. Biên bản các cuộc họp được lập đầy đủ và lưu giữ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp HĐQT đều mời BKS tham dự. HĐQT tiếp thu các ý kiến đóng góp và các kiến nghị sát đáng của Ban kiểm soát để chỉ đạo BDH thực hiện và khắc phục các tồn tại hạn chế nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty, đáp ứng quyền lợi của Cổ đông và sự nghiệp phát triển của Công ty.

Trong năm 2013, HĐQT đã tổ chức Đại hội cổ đông bất thường (ngày 21/11/2013) để bầu bổ sung thành viên HĐQT (bầu ông Ngô Văn Long thay ông Trần Đình Trung nghỉ

hưu theo chế độ). HĐQT đã xem xét và thống nhất đề ông Phạm Như Hóa – TV Ban kiểm soát, thôi không tham gia nhiệm vụ kiểm soát viên kể từ tháng 3/2014 (Nghị quyết HĐQT số 18/NQ/CPMĐNC-HĐQT ngày 12/3/2014).

*** Các phiên họp định kỳ của HĐQT giữa hai nhiệm kỳ Đại hội:**

- Phiên họp thứ 15 – Nhiệm kỳ II (Ngày 04/7/2013):

HĐQT đã đánh giá kết quả tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm của Công ty; đồng thời triển khai các nhiệm vụ và giải pháp theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty.

Xem xét phê duyệt Dự án nâng công suất Nhà máy lên 3000 TMN và Đề án phát triển vùng nguyên liệu giai đoạn 2013 – 2018 theo đề nghị của Tổng giám đốc.

- Phiên họp thứ 16 – Nhiệm kỳ II (Ngày 26/9/2013):

HĐQT đã xem xét phê duyệt một số đề nghị của Tổng giám đốc Công ty về việc chi tiền chính sách khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu; hỗ trợ tiền xây dựng công trình phúc lợi cho các đơn vị vùng nguyên liệu và Phương án hỗ trợ đầu tư cho vay vốn mua xe ô tô vận chuyển và máy làm đất.

Triển khai Nghị quyết của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Mía đường I – CTCP về công tác nhân sự HĐQT Công ty.

Thông qua nội dung báo cáo của Ban kiểm soát Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ 8 tháng đầu năm 2013.

- Phiên họp thứ 17 – Nhiệm kỳ II (Ngày 07/11/2013):

HĐQT đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2013; Phê duyệt kế hoạch SXKD quý IV/2013.

Xem xét thông qua nội dung, chương trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013.

Phê duyệt khung giá mua mía nguyên liệu vụ 2013 – 2014 và Chính sách khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu vụ 2014 – 2015.

Phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật vụ sản xuất 2013 – 2014 và một số nội dung công việc để triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh vụ 2013 – 2014 của Công ty.

Thống nhất thông qua báo cáo nhân sự giới thiệu bầu bổ sung HĐQT Công ty.

- Phiên họp thứ 18 – Nhiệm kỳ II (Ngày 12/03/2014):

HĐQT đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vụ 2013 – 2014 của Công ty (Tính đến hết ngày 28/2/2014); xem xét tiến độ và kết quả thực hiện Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy giai đoạn 1 (Từ 2100 TMN lên 2700 TMN).

Xem xét đánh giá kết quả thực hiện năm 2013, kế hoạch triển khai năm 2014 của Đề án phát triển vùng nguyên liệu giai đoạn 2013 – 2018.

Thông qua kế hoạch và công tác chuẩn bị cho Đại hội cổ đông thường niên năm 2014.

5.2. Kết quả giám sát Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

Trong quá trình tổ chức điều hành Tổng giám đốc đã bám sát Nghị quyết của HĐQT và kế hoạch SXKD của Công ty để phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban điều hành triển khai thực hiện. Nhìn chung đã thực hiện tương đối tốt các quy định của pháp luật và nội quy, quy định của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện tốt công tác phối hợp với Ban kiểm soát để triển khai, hỗ trợ và phục vụ nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo đúng quy định

5.3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS và từng thành viên HĐQT:

Tổng chi phí cho hoạt động của HĐQT và BKS trong năm 2013 là 1.015,41 triệu đồng. Trong đó thù lao của HĐQT là 546,33 triệu đồng (Chủ tịch 142 triệu đồng, Phó chủ tịch 113,6 triệu đồng và các ủy viên là 290,73 triệu đồng).

So sánh với định mức ĐHCĐ giao mức 0,2% doanh thu thuần năm 2013, tương ứng với số tiền là: 1.020,77 triệu đồng, chi phí HĐQT và BKS năm 2013 bằng 99,47% kế hoạch.

5.4. Kết quả hoạt động của HĐQT:

Để hoàn thành nhiệm vụ ĐHCĐ giao, HĐQT đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của Điều lệ: HĐQT thực hiện chức năng chỉ đạo, giám sát trên các mặt hoạt động SXKD của Công ty, cụ thể tập trung giám sát việc thực hiện huy động, sử dụng và phân phối các nguồn lực của Công ty (tài sản, vật tư hàng hoá, tiền vốn, lao động, lợi nhuận, ...); Kiểm tra độ tin cậy của báo cáo tài chính và các báo cáo khác; Giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, của HĐQT và việc chấp hành các quy định của pháp luật nhà nước, điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Qua việc giám sát đã chỉ ra những tồn tại, yếu kém trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động của Công ty để có giải pháp khắc phục kịp thời. Đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hiệu quả hoạt động của người quản lý và hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

Trong năm qua, HĐQT đã tích cực chỉ đạo BĐH trong việc đổi mới công tác quản trị điều hành; Tổ chức đánh giá toàn diện quá trình, tìm ra điểm mạnh yếu, cương quyết tổ chức lại một số mặt hoạt động; HĐQT rất coi trọng dự báo thị trường, xu hướng thay đổi của thị trường để đưa ra quyết sách chủ động đối phó với các tình huống xấu của thị trường; Huy động có hiệu quả các nguồn lực ... tạo giá trị gia tăng mới, góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty và Cổ đông.

HQĐT tiếp thu ý kiến của BKS, nghiêm túc kiểm điểm, quyết liệt chỉ đạo BĐH khắc phục các tồn tại và triển khai một số kiến nghị của BKS.

*** Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT:** Trong năm 2013, HĐQT đã đưa ra 12 nghị quyết. Các quyết nghị của HĐQT và chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT đã được Ban điều hành nghiêm túc triển khai thực hiện, đến nay cơ bản các nhiệm vụ theo Nghị quyết đã thực hiện xong. Riêng nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2 của Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy từ 2700 TMN lên 3000 TMN chưa triển khai thực hiện.

*** Đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT:** HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, lãnh đạo chỉ đạo hoạt động của Công ty thực hiện đúng nhiệm vụ của ĐHCĐ giao, đưa ra nhiều quyết sách quan trọng. Chủ tịch HĐQT và các thành viên đã nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao hoàn thành tốt nhiệm vụ, đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty và Cổ đông.

HQĐT tự đánh giá: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm 2013.

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của công ty một cách khách quan, trung thực. Tiếp cận và theo sát các hoạt động của Công ty; Phản ánh và đánh giá đúng những việc đã làm được, mặt còn hạn chế của HĐQT, Ban điều hành nói riêng và Công ty nói chung. Chú trọng, phân tích, đánh giá các tồn tại cơ bản và đưa ra các khuyến cáo, khuyến nghị, đề xuất các giải pháp khắc phục phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo các lợi ích của cổ đông.

Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm qua được đánh giá cao, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2013.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SXKD VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2014

I. Dự báo tình hình kinh tế xã hội:

Dự báo tình hình thị trường đường trong nước và thế giới vẫn tiếp tục khó khăn, năm 2014 sẽ còn khó khăn hơn nhiều so với năm 2013; giá đường trong nước vẫn có xu hướng giảm, thị trường tiêu thụ ngày càng bị thu hẹp và sẽ có nhiều diễn biến khó lường; lợi thế ngành mía đường đang bị suy yếu, trong khi đó đường nhập lậu từ Thái Lan vẫn chưa có giải pháp để ngăn chặn.

Vùng nguyên liệu của Công ty có xu thế bị thu hẹp do sự cạnh tranh quyết liệt của các cây trồng khác và sự thay đổi cơ cấu ngành của Tỉnh do thị trường tiêu thụ khó khăn.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2014:

1.1. Các chỉ tiêu sản xuất nguyên liệu:

- Diện tích thu hoạch : 6.300,0 ha.
- Năng suất bình quân : 51,59 tấn/ha.
- Sản lượng mía nguyên liệu : 325.000 tấn.
- Chữ đường bình quân : 10,0 CCS

1.2. Các chỉ tiêu sản xuất công nghiệp:

- Đường kính : 34.282,7 tấn.
- Mật rỉ : 13.000,0 tấn.
- Phân vi sinh : 10.390,0 tấn.
- Nước TNTK : 2.618,9 ngàn lít
- Tiêu hao mía/đường : 9,48 M/Đ.

1.3. Các chỉ tiêu tài chính:

- Giá trị tổng sản lượng : 192.326,5 tr. đồng
- Tổng doanh thu chưa thuế : 482.068,02 tr. đồng
- Nộp ngân sách : 16,8 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 7.249,4 tr. đồng
- Tỷ lệ cổ tức : 20 %

1.4. Các chỉ tiêu lao động - tiền lương:

- Lao động bình quân (Cả thời vụ): 525 người
- Thu nhập bình quân : 4.936.000 đồng/người/tháng

III. Nhiệm vụ trọng tâm.

Để thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD năm 2014, tiếp tục triển khai các mục tiêu nhiệm vụ trong chiến lược phát triển 5 năm (2011-2015), trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và các Nghị quyết của HĐQT, công ty cần đẩy mạnh hoạt động SXKD nhằm duy trì và không ngừng nâng cao hiệu quả tăng trưởng, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, thường xuyên kiểm tra, giám sát nắm bắt tình hình và chủ động đối phó với những khó khăn thách thức và phòng ngừa rủi ro, tăng khả năng thực thi, từng bước khắc phục tồn tại, khai thác tiềm năng, lợi thế các nguồn lực, tạo năng suất và hiệu suất tổng hợp.

Công tác chỉ đạo, điều hành phải sát sao và quyết liệt hơn nữa, tiết giảm tối đa chi phí trong sản xuất chế biến, sắp xếp lại lao động theo hướng chuyên nghiệp và chuyên sâu, tiếp tục thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với lực lượng cán bộ nguồn và cán bộ, công nhân kỹ thuật nghiệp vụ các phòng ban, đơn vị. Trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn, tiếp cận các thành tựu và tiến bộ của khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào hoạt động SXKD của Công ty, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, sẵn sàng hội nhập và phát triển.

Tiếp tục bám sát tình hình thực tế để triển khai có hiệu quả các bước tiếp theo trong Đề án phát triển vùng nguyên liệu giai đoạn 2013 – 2018. Phần đầu hoàn thành và hoàn thành

vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra trong Đề án.

Bổ sung hoàn thiện chiến lược phát triển giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 kết hợp với việc xây dựng và hoàn thiện Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp để triển khai thực hiện.

Coi trọng công tác kiểm soát nội bộ trong công ty và kết nối nội bộ giữa các đơn vị trong Tổng công ty. Đẩy mạnh hợp tác đầu tư, phát triển kinh doanh và dịch vụ; xúc tiến thương mại xuất nhập khẩu vật tư sản phẩm.

Tăng cường quản lý tài chính: Sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn; thanh toán cổ tức đúng kế hoạch; Tăng cường kiểm tra giám sát chặt chẽ các chi phí đầu vào, đầu ra trong sản xuất kinh doanh và thực hành tiết kiệm.

Phân tích dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh; rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ; thực hiện giám sát và phê duyệt định mức kinh tế, kỹ thuật, điều chỉnh phù hợp sát với thực tế.

Năm 2014, tiếp tục là năm nhiều khó khăn cho ngành mía đường, giá đường trong nước và thế giới vẫn có xu hướng giảm, lợi thế ngành hàng ngày càng giảm dần; trong khi đó đường nhập lậu vẫn chưa có giải pháp để ngăn chặn hữu hiệu, lượng đường dư thừa trong nước vẫn còn rất lớn. Ngoài các nguy trên thì Công ty chúng ta còn đối mặt với nguy cơ thu hẹp vùng nguyên liệu mía do thay đổi quy hoạch và thay đổi cơ cấu ngành của Tỉnh Thanh Hóa.

Nhìn thấy rõ những nguy cơ và thách thức trên, HĐQT xác định cần phải nhìn nhận và đánh giá đúng tình hình để phát huy các thế mạnh, khắc phục các điểm yếu, đưa ra các quyết sách đúng trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành công ty, củng cố và phát huy tối đa nội lực, huy động mọi nguồn lực trong và ngoài công ty, triệt để thực hành tiết kiệm, tập trung chỉ đạo và điều hành để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu năm 2014.

IV. Các nhóm giải pháp tổ chức thực hiện.

1. Giải pháp về công tác nguyên liệu:

Bám sát nội dung Nghị quyết tổng quan mía đường số 01 của Tổng công ty mía đường I và Đề án phát triển nguyên liệu giai đoạn 2013-2018 đã được HĐQT công ty phê duyệt, Công ty cần tập trung triển khai thực hiện một số giải pháp mang tính chiến lược, lâu dài nhằm ứng phó trước những nguy cơ để duy trì ổn định diện tích, nâng cao năng suất, chất lượng mía, thu nhập của người trồng mía, tăng khả năng cạnh tranh của cây mía so với các loại cây trồng khác.

- Tập trung phát triển mở rộng vùng nguyên liệu để ứng phó trước nguy cơ tụt giảm diện tích do việc triển khai 2 dự án của Tỉnh, phấn đấu ổn định diện tích vùng nguyên liệu đạt 6.500 ha.

- Xây dựng mô hình liên kết bền vững với các xã, các hộ trồng mía, hợp tác sản xuất trên nguyên tắc "lợi cùng hưởng" và "cùng chia sẻ rủi ro".

- Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của lãnh đạo các cấp chính quyền địa phương trong việc xây dựng nông thôn mới để thực hiện dồn điền đổi thửa, liên kết sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu tập trung.

- Xây dựng các mô hình sản xuất tập trung hoặc tập hợp các hộ có quy mô sản xuất nhỏ thành lập HTX, tổ hợp tác để phát triển sản xuất.

- Ban hành các chính sách, giá thu mua mía phù hợp cho từng năm cụ thể, tăng cường khuyến nông, hướng dẫn phương pháp canh tác tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất mía nguyên liệu để khuyến khích người dân trồng mía.

- Tăng cường năng lực cạnh tranh của cây mía so với cây trồng khác bằng các cơ chế chính sách phù hợp, linh hoạt, nhạy bén để nâng cao năng suất, chất lượng và nâng cao thu nhập cho người trồng mía.

* Một số giải pháp trước mắt cần triển khai thực hiện ngay:

- Rà soát đo đạc lại chính xác diện tích; tổ chức đánh giá, phân loại diện tích có khả năng cho năng suất chất lượng cao, từng bước loại bỏ diện tích đất xấu, diện tích đồi dốc cao, diện tích manh mún nhỏ lẻ. Mở rộng diện tích với các tiêu chí hạ độ dốc hợp lý, diện tích tập trung, có khả năng thâm canh, thuận lợi cho thu hoạch, vận chuyển.

- Xây dựng phương án liên kết sản xuất mía, trong đó xây dựng các chính sách liên kết với nông dân một cách chi tiết và hài hòa lợi ích giữa các bên.

- Tăng cường công tác điều tra, phân tích nông hóa, thổ nhưỡng, địa hình đối với từng loại đất để đưa ra chính sách đầu tư, chăm sóc phù hợp, kết hợp với áp dụng khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao tối đa năng suất, chất lượng mía.

- Xây dựng và cụ thể hóa chính sách đầu tư cho từng vùng nguyên liệu, chính sách thu mua mía nguyên liệu; đảm bảo hiệu quả cho Công ty và người trồng mía; xây dựng và hoàn thiện định mức kinh tế - kỹ thuật nông nghiệp tiên bộ; Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn mía nguyên liệu.

- Tiếp tục thu thập, hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu và theo dõi một cách có hệ thống về diện tích, thổ nhưỡng, năng suất, chất lượng, chủng loại giống mía; các điều kiện ảnh hưởng, nhân tố tác động đến diện tích, năng suất, chất lượng, điều kiện giao thông, thời tiết khí hậu, sâu bệnh và thu nhập của người trồng mía.

- Xây dựng hồ sơ quản lý kỹ thuật trồng mía nguyên liệu và mía giống:

- Xây dựng và bổ sung hoàn thiện hệ thống định mức, tiêu chuẩn và quy trình kỹ thuật sản xuất mía nguyên liệu và mía giống tiên tiến, quy trình đầu tư thâm canh phù hợp với từng loại đất, từng loại giống, từng tiểu vùng nguyên liệu.

- Xây dựng tiêu chuẩn về vùng mía tập trung.

- Xây dựng các phương án thu hoạch, vận chuyển, tiến hành so sánh và lựa chọn ra phương án tối ưu.

- Xác định thời vụ, thiết kế đồng ruộng đảm bảo yếu tố mùa vụ được thuận lợi, bảo đảm thu hoạch và chế biến có lợi thế nhất, khắc phục các tồn tại, hạn chế ở tất cả các khâu trong sản xuất mía.

- Tăng cường công tác kiểm tra đồng ruộng, chủ động phát hiện sâu bệnh hại mía, đưa ra các giải pháp phòng trừ hiệu quả nhất và phòng trừ kịp thời, không để lây lan trên diện rộng và bùng phát thành dịch.

- Tiếp tục triển khai chương trình tập huấn, nâng cao nghiệp vụ kinh tế kỹ thuật cho cán bộ nguyên liệu, đội ngũ cộng tác viên; tập huấn quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cho các chủ hợp đồng và hộ trồng mía.

- Tăng cường giao lưu học hỏi tại các công ty đường khác trong tỉnh Thanh Hóa và Tổng công ty.

2. Giải pháp về sản xuất chế biến:

- Xây dựng phương án tổ chức sản xuất; phương án sản phẩm tối ưu, phù hợp với trình độ năng lực công nhân và năng lực của thiết bị công nghệ; tiết kiệm chi phí tiêu hao vật tư, hóa chất, năng lượng trong sản xuất chế biến. Đồng thời phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến để tăng hiệu suất thu hồi, giảm tổn thất, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả chế biến.

- Tiếp tục định biên và định mức lại lao động trên dây chuyền (sản xuất đường, sản xuất phân bón) để giảm hao phí lao động, tăng năng suất, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu năm 2014, vụ ép 2014-2015 tiên tiến hơn.

- Tăng cường kiểm tra công tác ATLĐ, PCCN, vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Thực hiện tốt công tác sửa chữa, cải tạo thiết bị năm 2014 với phương châm: tiết kiệm, an toàn, hiệu quả, chất lượng và đảm bảo tiến độ. Công tác sửa chữa lớn và cải tạo thiết bị phải xong trước ngày 30/10/2014.

- Rà soát lại các thiết bị nâng công suất Nhà máy giai đoạn 2 lên 3.000 TMN, chỉ tiếp tục đầu tư trong năm 2014 các thiết bị thật cần thiết để phát huy công suất hiện có và phù hợp với sản lượng nguyên liệu vụ ép 2014-2015.

- Đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân vận hành và lực lượng cán bộ kỹ thuật. Xây dựng đội ngũ công nhân thực sự ngày càng lành nghề và có ý thức trách nhiệm cao.

- Xây dựng quy chế gắn trách nhiệm cụ thể cho từng cương vị, từng bộ phận và từng cá nhân trong việc vận hành và tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất, chế biến. Có chế độ thưởng phạt nghiêm minh và làm rõ trách nhiệm đối với từng phòng ban, bộ phận và cá nhân đối với công việc được giao.

3. Giải pháp về thị trường và tiêu thụ:

- Chủ động bán hàng nhanh, linh hoạt, với phương châm sản xuất đến đâu tiêu thụ ngay đến đó, không để tồn kho.

- Tập trung phát triển thị trường, xây dựng mạng lưới tiêu thụ, khai thác thị trường truyền thống, thị trường trọng điểm, phát triển và mở rộng thị trường tiềm năng, ổn định thị phần nội địa; đồng thời có hướng đến xuất khẩu.

- Xây dựng đội ngũ nhân viên bán hàng và tổ chức hệ thống bán hàng một cách chuyên nghiệp, coi trọng công tác dự báo, thường xuyên kiểm tra, đánh giá hệ thống phân phối, chính sách bán hàng, phát hiện, ứng phó kịp thời sự biến động của thị trường và khai thác có hiệu quả cơ hội thị trường.

- Tìm kiếm các nhà cung cấp hữu hiệu nhất, trong đó đặc biệt quan tâm sự kết nối nội khối theo tinh thần Nghị quyết số 02 về phát triển thương mại và dịch vụ trong việc bán hàng và cung ứng vật tư đầu vào, chủ động tìm nguồn nguyên vật liệu đầu vào trong nước để thay thế các nguyên liệu nhập khẩu.

- Tập trung nghiên cứu, mở rộng thị trường phân bón, nắm bắt thị hiếu để cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm.

4. Giải pháp về tài chính, vốn:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý bộ máy tài chính - kế toán của Công ty nhằm tăng cường công tác kiểm soát tài chính và cân đối nguồn vốn trong Công ty, quản lý và sử dụng các nguồn vốn hiệu quả, ưu tiên vốn đầu tư nâng cao năng lực chế biến và sản xuất mía đường.

- Quản lý chặt chẽ công nợ, thu nợ bán hàng, rà soát lại vật tư tồn kho, chậm luân chuyển tại kho để có phương án sử dụng lại hoặc bán thanh lý.

- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, quy trình kiểm tra, giám sát thường xuyên và kiểm tra định kỳ đảm bảo nắm bắt kịp thời các thông tin về quản lý tài sản, tiền vốn, các chỉ tiêu, định mức kinh tế kỹ thuật để phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và công tác quản lý kinh tế của đơn vị.

- Thực hiện tốt kế hoạch tiết giảm sâu chi phí năm 2014, trong đó quản lý chặt chẽ các chi phí đầu vào, chi phí bán hàng và chi phí quản lý chung, chi phí hội nghị, chi phí quảng cáo, tiếp thị.

- Thực hiện nghiêm túc quy chế chi tiêu nội bộ; triệt để thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong tất cả các khâu; kiểm soát chặt chẽ giá thành sản xuất; cắt giảm các đầu tư chưa cần thiết.

- Thực hiện tốt công tác báo cáo quyết toán tài chính hàng tháng, hàng quý, năm.

5. Giải pháp về tổ chức và lao động:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng ban, đơn vị trong Công ty, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát và sự phối hợp trong công việc.
- Tiếp tục rà soát, tinh giảm lao động trên dây chuyền sản xuất, lao động gián tiếp tại các phòng ban theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và trách nhiệm cao.
- Quy hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiệp vụ của tất cả các phòng ban, đơn vị trong Công ty, từ đó xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty.
- Hàng năm có tổ chức đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, năng lực, trình độ, tay nghề đối với từng cương vị, từng chức danh trên cơ sở kết quả công việc hoàn thành, để có sự phân công, bố trí hợp lý hơn.
- Cải cách công tác chi trả tiền lương theo vị trí công tác, gắn tiền lương với tiêu chuẩn chức danh công việc. Thực hiện chế độ thưởng, phạt nghiêm minh, công bằng nhằm khuyến khích tính sáng tạo, phát huy tài năng của CBCNV trong toàn Công ty.
- Đề ra các chỉ tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện để triển khai trong toàn thể CBCNV Công ty; song song với đó là các đợt phát động phong trào thi đua để nhằm động viên, khích lệ người lao động hăng hái thi đua trong lao động sản xuất.

6. Giải pháp trong quản trị doanh nghiệp:

- Nhận định đúng, dự báo đúng, phân bổ hợp lý các nguồn lực, đưa ra quyết sách kịp thời. Tập trung chỉ đạo và điều hành vừa thận trọng, vừa quyết liệt, vừa linh hoạt, an toàn và hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch SXKD năm, kế hoạch sản xuất vụ ép trên cơ sở chiến lược phát triển Công ty. Bám sát kế hoạch, tăng cường chỉ đạo, điều hành, vận dụng linh hoạt các kịch bản kinh doanh để điều chỉnh hoạt động SXKD kịp thời, hiệu quả.
- Xây dựng và kiểm soát chặt chẽ phương án sản xuất vụ ép, phương án tiêu thụ sản phẩm; thực hiện phòng ngừa rủi ro và tiết giảm sâu các chi phí; thực hiện đồng bộ các giải pháp hạ giá thành sản phẩm.
- Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ chương trình công tác chi tiết, cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện. Thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ công tác theo các chỉ thị, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT đã giao.
- Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành hoàn thành dự án đầu tư nâng công suất giai đoạn II và công tác sửa chữa lớn đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, trình tự, thủ tục, nghiệm thu, bàn giao và thanh quyết toán.
- Tổ chức thực hiện tốt chương trình phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống thất thoát tài sản của Công ty; Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai minh bạch.

7. Về bảo vệ môi trường:

- Tiếp tục tăng cường hơn nữa công tác xử lý và bảo vệ môi trường; tổ chức xử lý triệt để chất thải và nước thải công nghiệp đạt các tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát môi trường khí thải, nước thải xung quanh khu Nhà máy, tạo cảnh quan sạch đẹp, trồng cây xanh quanh khu vực nhà xưởng. Đảm bảo môi trường xanh, sạch đẹp, không để ảnh hưởng đến dân cư trong khu vực.

Kính thưa Đại hội:

Năm 2014 được dự báo còn tiếp tục khó khăn hơn gấp bội đối với ngành mía đường trong nước nói chung, Công ty cổ phần Mía đường Nông Cống nói riêng. Nhưng với sự đoàn kết, thống nhất của toàn thể cổ đông và người lao động; phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2013, với những chỉ đạo và quyết sách đúng đắn của HĐQT; cùng sự linh hoạt, năng động, sáng tạo và quyết liệt của Ban điều hành, chúng ta tin tưởng rằng công ty sẽ hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ năm 2014 đã đề ra, từ đó tạo tiền

đề vững chắc để chúng ta vượt qua khó khăn thử thách trong giai đoạn trước mắt cũng như sau này, tiến tới xây dựng Công ty ngày càng phát triển và vững mạnh hơn.

Kính mong các cổ đông với trí tuệ và tinh thần trách nhiệm cao hãy đóng góp ý kiến xây dựng cho sự thành công của Đại hội, cũng như góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2014.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH.
- HĐQT, BKS, BĐH.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 344 /BC/CPMĐNC-HĐQT

Thanh hóa, ngày 10 tháng 06 năm 2014

BÁO CÁO

**V/v: Quyết toán chi kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2013
Kế hoạch mức thù lao năm 2014 cho thành viên HĐQT và BKS**

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

1. Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc quyết toán kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS trong năm 2013 như sau:

Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2013 theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2013. Tổng kinh phí hoạt động của HĐQT trong năm 2013 là:

- Thù lao của HĐQT:	546,33 triệu đồng.
- Thù lao của BKS:	212,20 triệu đồng.
- Thù lao cho thư ký HĐQT:	24,00 triệu đồng.
- Kinh phí hội họp, công tác phí...:	232,88 triệu đồng.
Tổng cộng:	1.015,41 triệu đồng.

+ Tổng mức thù lao và kinh phí của HĐQT được phép chi theo quy định không vượt quá 0,2% doanh thu thuần năm 2013, tương ứng với số tiền là: **1.020,77 triệu đồng.**

Số tiền thực chi: 1.015,41 triệu đồng - Tương đương 99,47% số kế hoạch.

2. Kế hoạch mức thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát năm 2014:

1. Chủ tịch HĐQT:	10.000.000 đồng/người/tháng.
2. Phó chủ tịch:	8.000.000 đồng/người/tháng.
3. Ủy viên HĐQT, Trưởng BKS:	7.000.000 đồng/người/tháng.
4. Ủy viên Ban kiểm soát:	4.000.000 đồng/người/tháng.
5. Thư ký HĐQT:	2.000.000 đồng/người/tháng.

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2014
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014)**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần mía đường Nông Công đã được thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được bổ sung, sửa đổi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

Căn cứ vào Báo cáo quyết toán tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE);

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014: Báo cáo tài chính năm 2013 và phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2013 và kế hoạch tài chính năm 2014.

**PHẦN I
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013**

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH SAU KIỂM TOÁN

I. Về tình hình tài sản và nguồn vốn đến 31/12/2013

Đơn vị tính: Đồng.

TÀI SẢN	Số cuối kỳ (31/12/2013)	Số đầu năm (31/12/2012)
A. Tài sản ngắn hạn	246.036.032.729	250.273.789.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	30.159.709.285	27.243.315.990
1. Tiền	22.159.709.285	10.243.315.990
2. Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	17.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	125.521.338.092	153.022.102.347
1. Đầu tư ngắn hạn	125.521.338.092	153.022.102.347
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	32.657.746.944	20.212.119.930
1. Phải thu của khách hàng	7.375.279.970	11.919.705.816
2. Trả trước cho người bán	18.688.066.205	7.186.974.208
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	237.336.529
5. Các khoản phải thu khác	13.850.995.830	7.201.235.424
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(7.256.595.061)	(6.333.132.047)
IV. Hàng tồn kho	54.023.523.193	40.196.971.986
1. Hàng tồn kho	57.287.927.346	42.396.751.963
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.264.404.153)	(2.199.779.977)
V. Tài sản ngắn hạn khác	3.673.715.215	9.599.279.043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.836.038.883	8.026.180.635
3. Thuê và các khoản khác phải thu nhà nước	-	428.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	1.837.676.332	1.572.670.408
B. Tài sản dài hạn	83.116.861.530	90.418.615.783
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
II. Tài sản cố định	70.362.245.181	83.235.417.152
1. TSCĐ hữu hình	55.872.956.574	74.342.835.070

- Nguyên giá	268.898.535.544	271.526.788.666
- Giá trị hao mòn lũy kế	(213.025.578.970)	(197.183.953.596)
3. TSCĐ vô hình	224.921.824	299.190.897
- Nguyên giá	570.340.700	631.840.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	(345.418.876)	(332.649.803)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14.264.366.783	8.593.391.185
III. Bất động sản đầu tư	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.608.578.489	4.099.937.692
3. Đầu tư dài hạn khác	10.608.578.489	4.099.937.692
V. Tài sản dài hạn khác	2.146.037.860	3.083.260.939
1. Chi phí trả trước dài hạn	2.146.037.860	3.083.260.939
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	329.152.894.260	340.692.405.080
NGUỒN VỐN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	251.860.462.271	278.001.012.101
I. Nợ ngắn hạn	199.676.132.159	226.660.747.268
1. Vay và nợ ngắn hạn	61.951.206.592	69.988.891.296
2. Phải trả cho người bán	83.193.090.819	89.324.328.709
3. Người mua trả tiền trước	18.549.146.781	35.014.219.936
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	4.266.936.816	3.744.847.825
5. Phải trả cho người lao động	11.661.600.062	5.933.162.199
6. Chi phí phải trả	18.120.730.518	18.031.644.759
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.433.555.509	3.738.367.879
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	499.865.062	885.284.665
II. Nợ dài hạn	52.184.330.112	51.340.264.833
3. Phải trả dài hạn khác	79.607.333	79.607.333
4. Vay và nợ dài hạn	52.104.722.779	51.260.657.500
B. Vốn chủ sở hữu	77.292.431.989	62.691.392.979
I. Vốn chủ sở hữu	77.578.941.491	62.977.902.481
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.844.000.000	20.844.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	2.430.000.000	2.430.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	17.521.011.979	15.576.426.857
8. Quỹ dự phòng tài chính	3.515.177.971	3.013.249.116
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.655.301.687	1.812.644.374
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.613.449.854	19.301.582.134
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	(286.509.502)	(286.509.502)
1. Nguồn kinh phí	(286.509.502)	(286.509.502)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	329.152.894.260	340.692.405.080

II. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	510.383.730.937	527.324.410.989
2. Các khoản giảm trừ	-	13.809.524
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	510.383.730.937	527.310.601.465
4. Giá vốn hàng bán	461.967.027.469	491.869.689.610
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.416.703.468	35.440.911.855
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.909.351.259	10.729.979.317
7. Chi phí tài chính	8.815.503.473	19.824.497.993
- Trong đó: Lãi vay phải trả	8.815.503.473	19.824.497.993
8. Chi phí bán hàng	6.235.750.980	4.507.343.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.223.787.169	13.308.218.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	27.051.013.105	8.530.831.450
11. Thu nhập khác	653.936.390	6.229.338.297
12. Chi phí khác	5.124.493	2.289.313.529
13. Lợi nhuận khác	648.811.897	3.940.024.768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.699.825.002	12.470.856.218
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.684.385.595	1.491.551.721
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.015.439.407	10.979.304.497

B. CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁC:

Đơn vị tính: Đồng.

Số tt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2013	Năm 2012
1	Cơ cấu tài sản			
-	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	74.75	73.46
-	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	25.25	26.54
2	Cơ cấu nguồn vốn			
-	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	76.52	81.60
-	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	23.48	18.40
3	Khả năng thanh toán			
-	Khả năng t/toán nợ ngắn hạn: TSản NH/Nợ NH	lần	1.23	1.10
-	Khả năng t/toán nhanh: TSảnNH- HHTK/Nợ NH	lần	0.96	0.93
4	Tỷ suất sinh lời			
-	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu thuần	%	5.43	2.36
-	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	4.31	2.08
-	Tỷ suất LN trước thuế/Tổng tài sản	%	8.42	3.66
-	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản	%	6.69	3.22
-	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	28.38	17.43

PHẦN II
PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2013 BẰNG TIỀN

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Vốn điều lệ		20.844.000.000
2	Lợi nhuận thực hiện năm 2013		27.699.825.002
3	Thuế phải nộp		5.684.385.595
4	Lợi nhuận phân phối các quỹ		22.015.439.407
4.1	Trích lập các quỹ	25%	5.503.859.851
	- Quỹ dự phòng tài chính (5%)	5%	1.100.771.970
	- Quỹ đầu tư phát triển (10%)	10%	2.201.543.941
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (7%)	7%	1.541.080.758
	- Quỹ Phát triển vùng nguyên liệu (3%)	3%	660.463.182
4.2	Chi cổ tức năm 2013	20%	4.168.800.000
4.3	Trích thưởng trên phần lợi nhuận vượt	25%	4.610.839.000
	<u>Trong đó:</u>		
	- Kế hoạch LN năm 2013		4.645.630.000
	- LN vượt so với kế hoạch		23.054.195.002
	- Thuế TNDN phần LN vượt		4.610.839.000
	- LN vượt sau thuế TNDN		18.443.356.002
	- Thưởng thành viên HĐQT và BKS	2%	368.867.000
	- Thưởng Ban điều hành	3%	553.301.000
	- Thưởng CBCNV Công ty	20%	3.688.671.000
5	Lợi nhuận còn lại sau thuế chưa phân chia		7.721.940.556
6	Lợi nhuận còn lại từ năm trước		9.598.010.459
7	Tổng lợi nhuận chuyển sang năm 2014		17.329.951.015

PHẦN III
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2014

Số tt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Ghi chú
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	27,243,316	30,159,709	
A	PHÂN THU	647,672,089	657,566,911	
1	Thu từ hoạt động kinh doanh	408,575,189	419,066,911	
	Thu tiền hàng SP Đường và Mật rỉ	406,514,111	417,096,787	
	Thu tiền hàng SP Phân bón	44,740	383,056	
	Thu tiền hàng SP Nước TNTK	2,016,338	1,587,068	
2	Thu từ hoạt động tài chính	238,509,026	237,500,000	
	Thu đầu tư trồng mía	4,220,542	4,500,000	
	Thu đầu tư dài hạn	1,576,359	4,000,000	
	Vay ngắn hạn	222,035,059	229,000,000	
	Vay dài hạn	10,677,065	0	

3	Thu khác	587,874	1,000,000	
B	PHẦN CHI	644,755,696	653,379,233	
1	Chi phí SX-KD	251,339,081	263,868,927	
	<i>Chi trả tiền mua nguyên liệu</i>	<i>101,028,804</i>	<i>119,956,866</i>	
	<i>Chi trả tiền vận chuyển</i>	<i>31,921,544</i>	<i>32,222,307</i>	
	<i>Chi trả tiền mua vật tư</i>	<i>68,918,174</i>	<i>65,067,511</i>	
	<i>Trả lương cho CBCNV</i>	<i>27,626,948</i>	<i>31,340,630</i>	
	<i>Nộp ngân sách nhà nước</i>	<i>21,843,611</i>	<i>15,281,614</i>	
2	Chi phí hoạt động tài chính	354,157,568	349,510,306	
	<i>Đầu tư trồng mía</i>	<i>87,898,308</i>	<i>90,000,000</i>	
	<i>Chi đầu tư dài hạn</i>	<i>8,215,000</i>	<i>0</i>	
	<i>Trả nợ vay ngắn hạn</i>	<i>230,072,744</i>	<i>229,000,000</i>	
	<i>Trả nợ vay dài hạn</i>	<i>20,510,065</i>	<i>15,600,000</i>	
	<i>Chi trả lãi vay</i>	<i>7,461,451</i>	<i>14,910,306</i>	
3	Chi khác	39,259,047	40,000,000	
C	CÂN ĐỐI THU - CHI	2,916,393	4,187,678	
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	30,159,709	34,347,387	

Trên đây là báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) và Kế hoạch tài chính năm 2014. Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Cô đồng dự ĐH;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 343 /BC- MĐNC - BKS

Ngày 10 tháng 06 năm 2014

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về kết quả hoạt động năm 2013 và kế hoạch năm 2014**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần mía đường Nông cống; Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Công ty Cổ phần mía đường Nông Cống.

BKS Công ty CP Mía Đường Nông Cống xin báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty năm 2013 và chương trình công tác năm 2014 với các nội dung sau:

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2013 của BKS:

Năm 2013, BKS luôn nhận được sự phối kết hợp, tạo điều kiện của HĐQT và BDH cùng các đơn vị phòng ban trong Công ty nên việc tiếp cận công tác giám sát kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty đã được thực hiện đầy đủ và đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ và quy chế của Ban kiểm soát; Hơn nữa trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS cũng thường xuyên trao đổi với các phòng ban để kiểm soát kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

1. Giám sát hoạt động quản lý của HĐQT; hoạt động điều hành của BDH và các hoạt động của Công ty.
2. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
3. Thẩm định báo cáo quyết toán tài chính năm 2012, Quý I, 6 tháng đầu năm; quý III và năm 2013 theo quy định, thẩm định công nợ tồn đọng của các dự án đầu tư, đầu tư vùng nguyên liệu; quyết toán công tác SCL năm 2012.
4. Tham gia các cuộc họp HĐQT mở rộng.
5. Báo cáo đánh giá lên HĐQT và tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.

II. Kết quả giám sát năm 2013 của Ban Kiểm soát:

1. Đánh giá các hoạt động của HĐQT.

Năm 2013, HĐQT đã tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản của HĐQT và ra 12 nghị quyết để chỉ đạo và quản lý toàn diện hoạt động SXKD của Công ty năm 2013: Tổng kết đánh giá tình hình hoạt động vụ ép 2012-2013 và triển khai kế hoạch vụ ép 2013-2014; Công tác phát triển vùng nguyên liệu. Thống nhất các chỉ tiêu KH năm 2013 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2013; chỉ đạo Công ty trong công tác xử lý các tồn tại về tài chính; Công tác quyết toán SCL; Công tác rà soát kiện toàn tổ chức bộ máy; Công tác đầu tư cải tạo nâng cấp dây truyền đường lên 3000 TMN, giai đoạn 1 lên 2.700TMN; Công tác tiết giảm chi phí theo Nghị quyết số 01/NQ-CP; Triển khai các ý kiến chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông; Đồng thời trong mỗi kỳ họp HĐQT đều đánh giá việc triển khai thực hiện các ý kiến chỉ đạo tại Nghị quyết của HĐQT và kiến nghị của Ban kiểm soát của Ban điều hành.

HĐQT đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty cũng như các quy chế, quy định hiện hành của Công ty thể hiện cụ thể trên các Văn bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp HĐQT đều có biên bản ghi chép rõ ràng, lưu trữ đầy đủ và ra Nghị quyết kịp thời để HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện.

Trong quá trình thực hiện công tác kiểm soát, Ban Kiểm soát chưa thấy có dấu hiệu gì bất thường, những dấu hiệu vi phạm pháp luật trong hoạt động của HĐQT. Ban kiểm

soát cũng không nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo nào về công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT.

2. Kết quả giám sát công tác điều hành SXKD của ban điều hành (chi tiết tại phụ lục 01)

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2013 (Chi tiết biểu số 01):

Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013 được ĐHĐCĐ giao. Ban điều hành đã nỗ lực triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời; thực hiện triệt để tiết giảm chi phí theo tinh thần Nghị quyết 01/NQ- CP, hầu hết các chỉ tiêu KH đều hoàn thành vượt mức KH đề ra, riêng chỉ tiêu lợi nhuận đạt và vượt cao so với NQ ĐHĐCĐ giao, cụ thể:

- Giá trị tổng sản lượng: Đạt 180,523 tỷ đồng, vượt 7,75% KH, tăng 16,7% so với thực hiện năm 2012 (Năm 2012 là 154,713 tỷ đồng).

- Sản lượng đường: Đạt 31.991,75 tấn, vượt 8,8% so KH, tăng 20,2% so với thực hiện năm 2012 (SL đường năm 2012 là 26.620,85 tấn).

- Tổng Doanh thu đạt 516,947 tỷ đồng vượt 9,10 % KH năm 2013, bằng 94,98% so với thực hiện năm 2012 (544,269 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế: Đạt 27,700 tỷ đồng vượt 496,26% so với KH, tăng 122,12% so với thực hiện năm 2012 (Lợi nhuận năm 2012 là: 12,471 tỷ đồng).

- Nộp ngân sách đạt 21,982 tỷ đồng, vượt 32,6% KH, tăng 54,56% so với thực hiện năm 2012 (Nộp ngân sách năm 2012 là: 14,223 tỷ đồng).

2.2. Kết quả đầu tư phát triển vùng nguyên liệu:

Công ty đã tích cực vận động nhân dân mở rộng diện tích, giảm dần diện tích có độ dốc cao; trồng và chăm sóc mía theo quy trình kỹ thuật nhằm ổn định và phát triển vùng nguyên liệu, thực hiện dồn điền đổi thửa thành cánh đồng mẫu lớn; Hoàn thiện việc xây dựng “Đề án phát triển vùng nguyên liệu giai đoạn 2013-2018” trình HĐQT phê duyệt, triển khai Phương án trồng mía thuần năng suất và chất lượng cao cung cấp giống mía thuần cho trồng vụ 2014-2015. Các chương trình hành động hỗ trợ, phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để gắn kết phát triển nguyên liệu mía với chương trình “Nông thôn mới” như hỗ trợ làm giao thông nội đồng; xây dựng các công trình phúc lợi xã hội; Tổ chức lớp tập huấn nâng cao kiến thức cho cán bộ nguyên liệu và tập huấn QTKT về công tác trồng, chăm sóc, thu hoạch và đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cho các hộ trồng mía; Phương án khoán lương nguyên liệu để tăng tính chủ động, thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và nâng cao thu nhập cho cán bộ nguyên liệu góp phần tăng năng suất, chất lượng mía.

- Quản lý chặt chẽ chi phí hỗ trợ và vốn đầu tư cho vùng nguyên liệu, thu hồi vốn đầu tư vụ 2012-2013 đạt 100% (148,410 tỷ đồng), ngoài ra còn thu vốn đầu tư tồn đọng của các vụ trước đạt 115,2% KH tương đương 1,224 tỷ đồng; công tác cải tạo đầu tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tương đối nhanh gọn, kịp thời phản ánh tình hình đầu tư trên vùng nguyên liệu; Hỗ trợ hộ trồng mía phân bón lá, mùn và chi phí chênh lệch giá mía giống theo Nghị quyết của HĐQT; tổng số tiền là 4,062 tỷ đồng. Tăng cường ký HĐ đầu tư và thu mua đến từng hộ có diện tích từ 0,5 ha trở lên, giảm dần trung gian, hạn chế các tiêu cực nảy sinh.

- Công tác phòng trừ sâu bệnh đặc biệt là rệp cơ bản kịp thời; khảo nghiệm và nhân nhanh giống mía mới YT006; phát triển các giống có năng suất và chất lượng cao, giống chủ lực trên vùng nguyên liệu qua đó xác định cơ cấu giống phù hợp cho vùng nguyên liệu, chỉ đạo loại bỏ các giống lẫn, nhiễm sâu bệnh và thoái hóa, cụ thể:

- Tổng diện tích mía 6.260,8 ha bằng 98,7% kế hoạch, tăng 14,7 %, (tương đương 800,8 ha) so TH năm 2012; trong đó diện tích trồng mới 674,7 ha/KH 1.430,5 ha bằng 48,5% KH, trồng lại 1.424,2 ha/KH 1.477,2 ha bằng 96,4% KH, lưu gốc 4.161,9 ha/ KH 3.434,3 ha bằng 122,2 % KH.

- Năng suất mía nguyên liệu đạt 51,3 tấn/ha vượt 10,3% KH, tăng 13,2% so với năng suất thực hiện năm 2012.

- Chất lượng mía đạt 10 CCS, đạt 103,1% KH.
 - Sản lượng mía sạch: Đạt 321.167,9 tấn, vượt 7,1% KH, tăng 14,2% so với thực hiện năm 2012 (SL năm 2012 là 281.128,4 tấn).
- Tổng mức đầu tư năm 2013 đạt 80,28 % (125,521 tỷ đồng/KH 156,351 tỷ đồng).

Tuy nhiên còn một số tồn tại:

Diện tích trồng mía thuần chưa đạt kế hoạch, đạt 119,65 ha/KH 150 ha = 79,8% KH. Việc thực hiện loại bỏ các giống lẫn trên vườn mía trồng thuần trong quá trình chăm sóc mía chưa triệt để; công tác chỉ đạo điều tra, báo cáo số liệu diện tích mía bị chết và mất mật độ khi khô, hạn và tiến độ trồng mới và trồng lại còn chậm. Việc xử lý bệnh than khi cây mía đã ra roi than còn chậm ở 1 số xã: Thanh kỳ, Thanh Phong..; phòng trừ rệp hại mía ở các xã vùng giáp ranh với nhà máy đường Lam Sơn: Yên Lễ, Cát Văn, Thanh Hòa, Thanh Lâm chưa quyết liệt, nên phải phun đi, phun lại nhiều lần. Tỷ lệ giống chín sớm toàn vùng vụ 2013-2014 mới đạt 26,9 %/KH 39,17%, công tác nghiệm thu diện tích và cơ cấu giống vụ 2013-2014 ở 1 số địa bàn không nghiêm túc, công tác chăm sóc mía còn lạm dụng thuốc trừ cỏ, sử dụng quá liều lượng ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây mía. Bón phân không đủ về lượng, không cân đối tỷ lệ N.P.K theo QTKT, thiếu nhiều lân và ka ly, bón thúc kết thúc chậm (20/08/2013) và còn bón phân trên mặt đất lấp lại bằng cuốc... dẫn đến năng suất, chất lượng mía chưa cao.

2.3. Kết quả thực hiện sửa chữa lớn, cải tạo bổ sung thiết bị:

Ngay sau khi kết thúc vụ ép Ban điều hành đã tổ chức kiểm tra toàn bộ hệ thống thiết bị dây chuyền lên kế hoạch sửa chữa lớn và cải tạo bổ sung thiết bị để đảm bảo cho sản xuất vụ 2013-2014 an toàn, ổn định và nâng cao hiệu quả trong sản xuất chế biến; Vụ 2013-2014 đưa vào sử dụng 2 gia nhiệt 200m² và đưa thêm lọc bùn 58 m² vào sử dụng và Lò hơi 32 tấn/h của Dự án Nâng công suất lên 2.700TMN sẽ khắc phục được các tồn tại của vụ 2012-2013 thiếu hơi, một số thiết bị chạy quá tải. Công tác SCL đã thực hiện kịp thời cho vụ ép 2013-2014. Tuy nhiên việc cải tạo điều chỉnh thiết kế xích băng tải chưa được thẩm định kỹ và đầy đủ dẫn đến chất lượng xích chưa đảm bảo kỹ thuật thường xuyên đứt, không đáp ứng được công suất ép dẫn đến dây chuyền sản xuất không ổn định. Hiện Công ty đang tập hợp hồ sơ quyết toán SCL năm 2013 (KH SCL năm 2013 là 13,775 tỷ đ); Công tác tập hợp quyết toán SCL năm 2013 còn chậm.

2.4. Kết quả thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật và giá thành sản phẩm:

- Định mức kinh tế kỹ thuật hàng năm được Công ty xây dựng và trình HĐQT phê duyệt; Công ty đã rà soát lại các định mức KTKT thực hiện qua các kỳ, cộng với sự thay đổi bổ sung thiết bị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong chế biến để xây dựng lại ĐMKTKT kịp thời phục vụ cho công tác quản lý chặt chẽ các định mức tiêu hao; Hầu hết các ĐMKTKT của sản phẩm đường đều giảm so với KH; chỉ một số vật tư tiêu hao vượt định mức; cụ thể: Vôi vượt 0,35 kg/TSP $\approx$ 11,24 tấn; Chất trợ lắng nổi cho Siro vượt 0,01kg/TSP $\approx$ 324 kg.

- Chất lượng sản phẩm: SP đường chất lượng đường đạt yêu cầu đề ra năm 2013 đường loại I chiếm 85% tăng 0,38% so với năm 2012, tuy nhiên tỷ lệ chất lượng đường loại I đạt chưa cao do năm 2013 chạy vượt công suất thiết kế 2.300TMN - hệ thống làm sạch, lọc chậm; hệ thống bốc hơi không đồng bộ; đầu vụ ép 2013-2014 dây chuyền sản xuất không ổn định. SP phân bón và NTNTK chất lượng ổn định.

- Giá thành sản phẩm: SP đường bằng 96,82% KH và giảm 13,18% so TH năm 2012, mặc dù năm 2013 chỉ phí khấu hao dây chuyền đường trích nhanh 2 lần. Sản phẩm phân bón 10.5.10 bằng 97,1% KH và giảm 9,22% với TH năm 2012; Phân 4.4.4 bằng 85,78% KH và giảm 18,42% so năm 2012. Sản phẩm nước giảm 32,39% so TH năm 2012.

2.5. Công tác đầu tư xây dựng:

- Thực hiện đầu tư Dự án nâng công suất dây chuyền lên 3000 TMN; Giai đoạn 1 nâng công suất lên 2700 TMN, Công ty đã tập trung đánh giá thiết bị một cách hệ thống và tính toán cân bằng dây chuyền để việc đầu tư tiết kiệm và hiệu quả.

- Việc triển khai dự án đầu tư đảm bảo đúng quy định hiện hành của Nhà Nước và Công ty. Tuy nhiên việc thực hiện còn chậm tiến độ, đến 31/12/2013 hạng mục chính là Lò Hơi chưa hoàn thành do trời mưa, đơn vị thi công Lò hơi thiếu nhân lực...

- Rà soát các dự án đầu tư dở dang không tiếp tục thực hiện để xử lý; Rà soát quyết toán các hạng mục đầu tư hoàn thành nhưng chưa được Bộ phê duyệt trong hạng mục đầu tư xây dựng khi xây dựng Nhà máy để trình HĐQT xem xét giải quyết làm lành mạnh tài chính.

2.6. Công tác thị trường, mua sắm vật tư và tiêu thụ sản phẩm:

* **Công tác mua vật tư:** Theo đúng quy định mua - bán và nhập xuất vật tư của Công ty (tổ chức chào hàng cạnh tranh); Công tác mua sắm vật tư phục vụ kịp thời cho sản xuất, chất lượng vật tư tương đối tốt và giá cả phù hợp. Tuy nhiên còn một số vật tư phục vụ cho sửa chữa, cải tạo chưa xin duyệt giá của HĐQT trước khi thực hiện là chưa đúng với quy định. (Mua tủ điều khiển AVR trị giá 533 trđ; Mua lược lô ép trị giá 184;250 triệu đồng; Châu ly tâm B-C 48 triệu đồng.; bộ xích trung gian).

*** Công tác tiêu thụ:**

- Sản phẩm đường: Công ty đã thực hiện việc tiêu thụ sản phẩm đường đúng chủ trương của Hội đồng quản trị; Xây dựng kế hoạch bán hàng từng đợt và trình HĐQT phê duyệt trước khi thực hiện; Thực hiện đúng phương án được HĐQT phê duyệt; Bám sát tình hình thị trường để tiêu thụ sản phẩm đảm bảo giá sát giá thị trường và tiêu thụ được số lượng theo đúng kế hoạch đề ra; Tập trung mở rộng và giữ chân hàng là các nhà sản xuất trong nước dùng nguyên liệu đường, tiếp tục bán đường lên thị trường Lào Cai xuất bán sang Trung Quốc. Thực hiện chủ trương " sản xuất đến đâu tiêu thụ hết đến đó". Tổng sản lượng đường tiêu thụ năm 2013 là 30.109 tấn tăng 7,83% so năm 2012 (27,923 tấn) đạt 93,72% tổng SL. Tồn kho đến 31/12/2013 là 2.018 tấn.

- Sản phẩm phân bón: Công tác tiêu thụ phân bón được chú trọng. Sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó; Công tác tiếp thị, tuyên truyền sản phẩm phân bón cho các CHĐ vùng nguyên liệu bước đầu đã được người dân hiểu về chất lượng sản phẩm phân bón của Công ty nên sản lượng phân bón năm 2013 tiêu thụ được 11.277,77 tấn giảm 11,54% so năm 2012 (12.748,5 tấn) và đạt 101,6% KH. Nguyên nhân chủ yếu là do chính sách đầu tư của công ty hạn chế định mức đầu tư nên người dân tự đầu tư; ngoài ra cuối năm 2013, rét đậm, khô hạn kéo dài dẫn đến việc trồng mới, trồng lại giảm.

- Sản phẩm nước TNTK: Sản lượng tiêu thụ đạt KH và tăng trưởng so với năm 2012, nhưng chưa mở rộng được thị phần. Sản lượng tiêu thụ đạt 2.661,9 nghìn lít đạt 106,48% so với KH, tăng 3,63% so năm 2012 (2.568,7 nghìn lít).

Công tác quản lý, thu hồi công nợ bán hàng tương đối tốt; không phát sinh công nợ xấu; nợ phải thu cuối kỳ là 7,377 tỷ đồng, giảm 38,11% so với năm 2012 (11,919 tỷ đồng) do khách hàng vừa lấy hàng vào tháng 12/2012 chưa đến hạn thanh toán và thanh toán chậm. Trong tổng số nợ phải thu trên có công nợ phải thu tiền mua đường 6,062 tỷ đồng Công ty bán chịu như vậy chưa đúng với Phương án tiêu thụ được HĐQT phê duyệt, tuy nhiên đến 07/1/2014 khách hàng đã trả hết nợ.

- Chưa thực hiện được việc xây dựng phương án và đưa vào hoạt động Trung tâm kho và dịch vụ thương mại tại Quảng Thịnh - TP Thanh Hóa.

2.7. Công tác tổ chức cán bộ:

- Công tác tổ chức: Xây dựng và thực hiện phương án củng cố, kiện toàn tổ chức - bộ máy một số phòng ban; định biên lao động, xác định vị trí công việc; Sắp xếp, bố trí lao động khoa học để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác. (Tách phòng kế hoạch cung tiêu thành 03 phòng: Phòng ĐTXDCB; Phòng Kinh doanh và kế hoạch vật tư; Sắp xếp lại lao động phân xưởng nước; khối văn phòng và Nhà máy đường).

+ Quy hoạch nguồn nhân lực và thực hiện chiến lược chức năng phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015.

+ Tuyển chọn, đào tạo bổ nhiệm cán bộ trẻ, cán bộ kế cận có phẩm chất, trung thành với sự nghiệp phát triển của Công ty; (bổ nhiệm TP TCHC; Quyền TP TCKT; Trưởng

phòng kinh doanh; PP Kế hoạch; 02 Phó trạm NL; PP NL...); Cử Cán bộ nguồn đi học lớp Quản lý cao cấp và quản lý sản xuất.

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kỹ thuật, kỹ năng nghề cho kỹ thuật viên và công nhân công nghiệp chế biến đường và sau đường: Thuê giảng viên về tận Công ty giảng dạy lý thuyết và thực hành. Rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ làm công tác nguyên liệu, bao gồm cả cán bộ làm công tác quản lý để lựa chọn những cán bộ có đủ năng lực, chuyên môn, có trách nhiệm cao, có khả năng vận động nhân dân trong việc thực hiện đầu tư, chăm sóc phát triển vùng nguyên liệu; Mở lớp tập huấn về công tác trồng, chăm sóc và quản lý đầu tư cho người trồng mía.

+ Chưa thực hiện đánh giá CB mới bổ nhiệm là TP kế toán tài chính sau 6 tháng để trình HĐQT xem xét bổ nhiệm kế toán trưởng.

- Công tác tiền lương: Việc thanh toán tiền lương đúng kỳ hạn và quy định. Thực hiện các chế độ cho người lao động đầy đủ và kịp thời. Thu nhập bình quân đạt 4,640 triệu đồng, vượt 1,43% KH, tăng 4,81% so với thực hiện năm 2012 (Thu nhập bình quân năm 2012 là: 4,427 tr đồng).

- Chưa hoàn thiện ban hành các quy chế chi tiêu nội bộ sửa đổi và sửa đổi bổ sung quy chế đầu tư xây dựng cơ bản.

2.8. Công tác Tài chính kế toán

- Công ty hoàn thành báo cáo tài chính báo cáo theo đúng quy định hàng tháng, quý và năm. Cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng.

- Tiếp tục rà soát xử lý quyết toán các dự án, hạng mục công trình đã hoàn thành và còn dở dang từ các năm trước; Xử lý các công nợ vùng nguyên liệu, các tồn tại về tài chính tồn đọng làm lạnh mạnh tài chính.

- Thực hiện nghiêm chỉnh công tác tổng kiểm kê và xử lý kiểm kê về tài sản, tiền vốn nhất là công nợ đầu tư vùng nguyên liệu, các vật tư tồn kho ứ đọng để phân loại có phương án xử lý tại thời điểm 31/5.

- Công ty cơ bản đã thực hiện quản lý, vốn và tài sản theo chế độ hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Thực hiện việc cấp phát tài sản vật tư tiền vốn tới tận tay người thụ hưởng không qua khâu trung gian. Thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí đầu vào, chi phí bán hàng và chi phí quản lý chung. Thực hiện nghiêm túc quy chế tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ và đảm bảo KH HĐQT phê duyệt.

- Công tác hạch toán kế toán dần đi vào nề nếp; kịp thời cho công tác quản lý. Cài nợ và quản lý nợ đầu tư vùng mía dần đi vào nề nếp, chặt chẽ và kịp thời.

- Công tác hạch toán kế toán việc trích trước các khoản chi phí trong kỳ còn một số khoản mục chưa tuân thủ theo chuẩn mực kế toán dẫn đến cuối năm quyết toán tài chính phải điều chỉnh.

2.9. Công tác vật tư, kế hoạch

- Việc lập và quản lý kế hoạch sản xuất kinh doanh quý, năm 2013, vụ 2013-2014 đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý, điều hành. Xây dựng và quản lý kế hoạch sửa chữa lớn năm; Xây dựng phương án sản xuất, phương án sản phẩm và hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật theo từng phương án sản phẩm.

- Công tác xây dựng kế hoạch và mua sắm vật tư chi tiết cho từng tháng, quý, năm phục vụ cho sản xuất kinh doanh sát thực với nhu cầu sử dụng; đảm bảo chất lượng và giá phù hợp với thị trường từng thời điểm.

- Rà soát và điều chỉnh chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020.

2.10. Một số công tác khác

- Tiếp tục cải tiến ứng dụng công nghệ tin học trong công tác quản lý doanh nghiệp. Duy trì văn hóa công sở văn minh lịch sự, chăm lo đời sống việc làm cho người lao động.

- Công ty tiếp tục giữ vững và phát huy phong trào hoạt động của các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội (Đảng; Công đoàn; Đoàn thanh niên; Phụ nữ). Chính trị nội bộ được ổn định. Duy trì và phát triển bền vững mối quan hệ với tỉnh và các ban ngành, địa phương; Công tác Kiểm tra, giám sát và thi đua khen thưởng, kỷ luật được minh bạch.

- Chi phí cho HĐQT, BKS đầy đủ và kịp thời; Tổng chi phí năm 2013 của HĐQT & BKS là 1.015,42 triệu đồng (trong đó: Phụ cấp HĐQT và BKS là 782,53 triệu đồng; Chi phí khác là 232,89 triệu đồng) bằng 99,47% so KH (1.020,77 triệu đồng).

- Quyết toán chi phí Phụ cấp của Ban kiểm soát năm 2013 như sau:

+ Tổng kế hoạch chi phụ cấp cho BKS được ĐHĐCĐ phê chuẩn: 180.000.000 đ

+ Tổng chi phụ cấp hàng tháng của BKS năm 2013: 180.000.000 đồng.

Công ty đã chi đúng, đủ và kịp thời phụ cấp cho BKS công ty hàng tháng.

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính (Chi tiết xem phụ lục 02;03):

Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam. Ban Kiểm soát cơ bản thống nhất với tình hình tài chính của Công ty; Ban kiểm soát xác nhận báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kỳ phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Tuy nhiên trong năm Công ty đã trích vượt giá trị SCL năm 2013 là 5,544 tỷ đồng. Nếu không trích vượt thì Lợi nhuận trước thuế của năm 2013 đạt 33,243 tỷ đồng.

3.1. Tình hình tài chính năm 2013 (có phụ biểu 02 kèm theo)

Tình hình tài chính của Công ty có cải thiện, dần lành mạnh, nợ phải trả giảm; nguồn vốn CSH tăng; khả năng thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh đều tăng so với năm 2012 và đều có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Nợ phải trả chiếm 76,52% /Tổng tài sản giảm 5,08% so năm 2012, nhưng vẫn cao thể hiện hoạt động phụ thuộc vào vốn vay; Tình hình tài chính của Công ty còn tiềm ẩn rủi ro. (Các khoản phải thu khó đòi đầu tư cho phát triển vùng nguyên liệu, một số vật tư tồn kho từ các năm trước không có khả năng sử dụng phải hủy bỏ; Chi phí đầu tư xây dựng dở dang của một số dự án không tiếp tục thực hiện. Chi cho sự nghiệp của dự án xóa đói giảm nghèo; Dự án nông thôn Miền núi thiếu nguồn NS cấp) chưa xử lý được, cụ thể:

Trích yếu	ĐVT	Ngày 31/12/2013	Ngày 01/01/2013
Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	25.25%	26.54%
Tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản	%	74.75%	73.46%
Nguồn vốn CSH/ tổng nguồn vốn	%	23.48%	18.40%
Vốn đầu tư của CSH/ Tổng nguồn vốn	%	8.666%	6.118%
Nợ phải trả/ tổng nguồn vốn	%	76.52%	81.60%
Nợ phải trả ngắn hạn/ Tài sản ngắn hạn	%	81.16%	90.57%
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1.23	1.10
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.96	0.93

3.2. Về hiệu quả hoạt động kinh doanh năm 2013: (có phụ biểu 03 kèm theo)

Năm 2013, Sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, mặc dù Công ty đã tăng tỷ lệ trích khấu hao tài sản máy móc thiết bị lên 2 lần so với quy định để nhanh thay đổi công nghệ, tổng số tiền là 6,301 tỷ đồng, cụ thể:

- Khả năng sinh lời của tài sản đạt 8,42%, tăng 4,76% so TH năm 2012; Khả năng sinh lời của đồng vốn là 35,84%, tăng 15,95% so TH năm 2012; Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn đầu tư của CSH đạt 132,89% tăng 73,06% so TH năm 2012 và Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn ĐT của CSH đạt 105,62% tăng 52,95 % so TH năm 2012 cho thấy cứ 100 đ vốn đầu tư của cổ đông bỏ ra thì thu được 105,62 đồng lợi nhuận sau thuế, đây là tỷ lệ rất cao.

- Tỷ suất LN trước thuế trên doanh thu đạt 5,43% tăng 3,07% so với TH năm 2012.

- Chi phí bán hàng là 6,236 tỷ đồng chiếm 1,22% doanh thu thuần đây là tỷ lệ thấp nhưng tăng 38,36% so TH năm 2012 và tăng 366,4% KH (tương đương 1,729 tỷ đồng) do có chi phí vận chuyển đường bán đi biên giới Lào Cai.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp là 12,223 tỷ đồng, chiếm 2,39% doanh thu thuần đây cũng là tỷ lệ thấp; giảm 8,15% so TH năm 2012 (tương đương 1,075 tỷ đồng) chủ yếu do giảm chi phí cho Hội đồng quản trị; chi phí Tiếp khách giảm, nhưng tăng 15,32% so KH do tăng chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi 923 trđ; Chi phí khấu hao tăng.

- Chi phí tài chính là 8,815 tỷ đồng giảm 55,53% so TH năm 2012, chủ yếu do Công ty thực hiện SX đến đâu tiêu thụ đến đó, sử dụng vốn ứng trước tiền hàng với lãi suất giảm 0,5% so với vay NH của cổ đông lớn TCT mía đường I và công tác sử dụng vốn hợp lý.

3.3. Nhận xét về việc thực hiện chế độ quản lý tài chính và công tác kế toán của Công ty:

- Công ty cơ bản đã thực hiện quản lý, vốn và tài sản theo chế độ hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

- Chi tiêu nội bộ theo đúng quy định của Công ty. Tích cực xử lý các tồn tại về tài chính (Đối chiếu, xử lý công nợ khó đòi vùng nguyên liệu; Rà soát phân loại các vật tư, nguyên liệu tồn đọng trích lập dự phòng giảm giá tồn kho; phải thu khó đòi).

4. Công tác thực hiện các kiến nghị của HĐQT, ban kiểm soát, quy chế của công ty và các tồn tại chưa thực hiện được theo chỉ đạo tại Nghị quyết của HĐQT:

- Chưa ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế đầu tư sửa đổi. Quy trình tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực trình HĐQT phê duyệt; Xây dựng quy chế phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận.

- Thực hiện phương án khoán cho Xưởng nước còn chậm.

- Một số hạng mục sửa chữa lớn chưa trình HĐQT duyệt giá trước khi thực hiện sai với quy định mua sắm vật tư, hàng hóa.

- Mua sắm vật tư (Xích trung gian) cho sửa chữa chưa kiểm tra giám sát kỹ; bản vẽ thiết kế thẩm định sơ sài (thiếu các thành phần thẩm định).

- Một số nội dung thực hiện còn chậm theo Nghị quyết của HĐQT: Báo cáo việc sử dụng vốn NS, số tiền 212 triệu đồng của dự án mía giống (giá trị thu hồi, giá trị nộp NS...); xây dựng phương án sử dụng phân bón cho lúa (tại Nghị quyết số 14 ngày 11/6/2013); Công tác đánh giá cán bộ TP kế toán sau 6 tháng để trình HĐQT xem xét bổ nhiệm Kế toán Trưởng.

+ Thực hiện giai đoạn 1 nâng công suất lên 2.700TMN của Dự án nâng công suất dây chuyền đường lên 3.000TMN còn chậm.

+ Công tác rà soát các dự án không thực hiện trình HĐQT xem xét xử lý còn chậm do thiếu hồ sơ căn cứ.

+ Xử lý các vật tư, hàng hoá không còn có nhu cầu sử dụng được còn chậm.

+ Xử lý các tồn tại về tài chính: Công nợ phải thu khó đòi, các chi phí vượt dự toán, nguồn ngân sách từ các năm trước còn chậm do còn thiếu các thông tin về chủ nợ.

III. Kiến nghị:

Đề nghị Công ty tiếp tục khắc phục các tồn tại nêu trên và xem xét các kiến nghị sau để thực hiện:

1. Tiếp tục quyết liệt đối chiếu, xác nhận nợ vùng nguyên liệu khó đòi của các vụ trước, có kế hoạch thu hồi; Xử lý các dự án không tiếp tục thực hiện; thanh lý tài sản, vật tư không có nhu cầu sử dụng hoặc hết hạn sử dụng làm lạnh mạnh tài chính.

2. Công tác đánh giá cán bộ, sử dụng cán bộ phải cần được cân trọng và biết sử dụng đúng người, đúng việc, để thúc đẩy tính sáng tạo của CBCNV.

3. Thực hiện nghiêm chỉnh quy định về mua sắm vật tư, đầu tư tài sản của Công ty.

4. Xây dựng Phương án khoán xưởng nước để chủ động cho công tác sản xuất và tiêu thụ.

5. Theo dõi và bám sát Dự án chăn nuôi bò sữa tập trung quy mô công nghiệp với quy mô xây dựng trang trại 105 ha, khu phụ trợ 30 ha và vùng nguyên liệu 2800; tổng đàn

bò khoảng 2.000 con trong đó có 1.000 con bò sữa tại các xã: Công Chính, Công Bình, Nông Trường Yên Mỹ thuộc huyện Nông Cống và các xã: Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ thuộc huyện Như Thanh; quý II/2014 sẽ khởi công dự án đến quý IV/2016 hoàn thành dự án và chính thức đi vào hoạt động để có Phương án tổ chức, chỉ đạo phát triển vùng nguyên liệu đảm bảo đủ mía cho công suất ép.

IV. Kế hoạch, nhiệm vụ năm 2014:

1. Nhiệm vụ năm 2014:

Để thực hiện tốt các công việc của Ban Kiểm soát theo luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2014 cụ thể như sau: *(chi tiết tại Chương trình công tác năm 2014 của Ban kiểm soát)*:

1.1. Giám sát công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT:

- Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.
- Chấp hành và thực hiện Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy định, quy chế của Công ty có liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT và các thành viên HĐQT.

1.2. Giám sát hoạt động điều hành của Ban điều hành :

- Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.
- Chấp hành và thực hiện Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy định, quy chế của Công ty có liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban điều hành.

1.3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm.

1.4. Thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát bất thường khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty hoặc khi có yêu cầu của các đối tượng khác theo quy định.

1.5. Tham gia các công tác khác: Tham gia, đóng góp ý kiến vào việc soạn thảo các quy định, quy chế, quy trình của Công ty; Tham gia công tác giám sát tổng kiểm kê tài sản, tiền vốn định kỳ toàn công ty.

2. Giải pháp tổ chức thực hiện:

- Phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong Ban. Các thành viên làm việc độc lập và có tinh thần trách nhiệm cao.
- Phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban, cũng như HĐQT, ban Điều hành và các phòng ban phân xưởng, các trạm nguyên liệu Công ty.
- Các thành viên không ngừng nâng cao nghiệp vụ và cập nhật chế độ chính sách.
- Tích cực lắng nghe thông tin và tiếp thu ý kiến của các cổ đông.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác năm 2013, phương hướng và các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2014 của Ban Kiểm soát Công ty CP Mía Đường Nông Cống; Báo cáo đã được thông qua HĐQT Công ty trước khi trình ĐHĐCĐ. Rất mong nhận được sự đóng góp của Quý cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Thị Mơ

CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU NĂM 2013

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2012	KH năm 2013	TH năm 2013	So sánh TH 2013 /TH 2012	So sánh TH 2013/KH 2013
A	B	C	1	2	3	4=(3:1)	5=(3:2)
I	Sản xuất nông nghiệp						
1	Diện tích thu hoạch	Ha	5.460	6.342	6.260,8	114,67%	98,72%
2	Sản lượng trong vùng	Tấn	253.909	300.000	321.168	126,49%	107,06%
3	Năng suất (cả mía giống)	T/ha	46,5	47,3	51,3	110,32%	108,46%
4	Sản lượng mía tự đầu tư	Tấn	27.219				
5	Tổng sản lượng	Tấn	281.128	300.000	321.168	114,24%	107,06%
6	Chất lượng mía	CCS	9,47	9,7	10	105,60%	103,09%
7	Tiêu hao mía/đường	T/T	10,56	10,20	10,04	95,07%	98,43%
II	Giá trị SXCN (CĐ 1994)	Tr.đ	154.714	167.541	180.523	116,68%	107,75%
III	Sản phẩm công nghiệp						
1	Đường kính trắng RS	Tấn	26.621	29.412	31.992	120,18%	108,77%
2	Phân bón vi sinh các loại	Tấn	12.653	11.100	10.464	82,70%	94,27%
3	Nước TNTK	1000l	2.591	2.500	2.601	100,38%	104,04%
IV	Doanh thu	Tr.đ	544.270	473.818	516.947	94,98%	109,10%
1	Doanh thu bán sản phẩm	Tr.đ	527.311	473.818	510.384	96,79%	107,72%
2	Doanh thu HĐTC	Tr.đ	10.730		5.909	55,07%	
3	Doanh thu khác	Tr.đ	6.229		654	10,50%	
V	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	12.471	4.646	27.700	222,12%	596,26%
VI	Nộp ngân sách NN	Tr.đ	14.223	16.574	21.982	154,56%	132,63%
VII	Thu nhập bq ng/tháng	1000đ	4.427	4.575	4.640	104,81%	101,43%

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		246.036.032.729	250.273.789.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.159.709.285	27.243.315.990
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	125.521.338.092	153.022.102.347
1. Đầu tư ngắn hạn	121		125.521.338.092	153.022.102.347
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.657.746.944	20.212.119.930
1. Phải thu của khách hàng	131		7.375.279.970	11.919.705.816
2. Trả trước cho người bán	132		18.688.066.205	7.186.974.208
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	237.336.529
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	13.850.995.830	7.201.235.424
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(7.256.595.061)	(6.333.132.047)
IV. Hàng tồn kho	140		54.023.523.193	40.196.971.986
1. Hàng tồn kho	141	V.04	57.287.927.346	42.396.751.963
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.264.404.153)	(2.199.779.977)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.673.715.215	9.599.279.043
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.836.038.883	8.026.180.635
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	-	428.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.837.676.332	1.572.670.408
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		83.116.861.530	90.418.615.783
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		70.362.245.181	83.235.417.152
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	55.872.956.574	74.342.835.070
- Nguyên giá	222		268.898.535.544	271.526.788.666
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(213.025.578.970)	(197.183.953.596)
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	224.921.824	299.190.897
- Nguyên giá	228		570.340.700	631.840.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(345.418.876)	(332.649.803)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	14.264.366.783	8.593.391.185
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.608.578.489	4.099.937.692
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	10.608.578.489	4.099.937.692
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.146.037.860	3.083.260.939
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.146.037.860	3.083.260.939
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		329.152.894.260	340.692.405.080
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		251.860.462.271	278.001.012.101
I. Nợ ngắn hạn	310		199.676.132.159	226.660.747.268

1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	61.951.206.592	69.988.891.296
2. Phải trả cho người bán	312		83.193.090.819	89.324.328.709
3. Người mua trả tiền trước	313		18.549.146.781	35.014.219.936
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	4.266.936.816	3.744.847.825
5. Phải trả cho người lao động	315		11.661.600.062	5.933.162.199
6. Chi phí phải trả	316	V.17	18.120.730.518	18.031.644.759
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	1.433.555.509	3.738.367.879
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		499.865.062	885.284.665
II. Nợ dài hạn	330		52.184.330.112	51.340.264.833
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		79.607.333	79.607.333
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	52.104.722.779	51.260.657.500
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		77.292.431.989	62.691.392.979
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	77.578.941.491	62.977.902.481
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.844.000.000	20.844.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.430.000.000	2.430.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.521.011.979	15.576.426.857
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.515.177.971	3.013.249.116
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.655.301.687	1.812.644.374
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.613.449.854	19.301.582.134
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		(286.509.502)	(286.509.502)
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	(286.509.502)	(286.509.502)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		329.152.894.260	340.692.405.080

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	N01		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	N02		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	N03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	N04		4.581.648.995	1.596.550.000
5. Ngoại tệ các loại	N05		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	510.383.730.937	527.324.410.989
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.26	-	13.809.524
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp Dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	510.383.730.937	527.310.601.465
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	461.967.027.469	491.869.689.610
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		48.416.703.468	35.440.911.855
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	5.909.351.259	10.729.979.317
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	8.815.503.473	19.824.497.993
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		8.815.503.473	19.824.497.993
8. Chi phí bán hàng	24		6.235.750.980	4.507.343.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.223.787.169	13.308.218.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		27.051.013.105	8.530.831.450
11. Thu nhập khác	31		653.936.390	6.229.338.297
12. Chi phí khác	32		5.124.493	2.289.313.529
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		648.811.897	3.940.024.768
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.699.825.002	12.470.856.218
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	5.684.385.595	1.491.551.721
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.015.439.407	10.979.304.497

Số: TT/CPMĐNC-HĐQT

Thanh hoá, ngày tháng 06 năm 2014

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2014

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Phê duyệt các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2014 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2013	KH 2014	So sánh Ghi chú
I	Giá trị TSL (Giá CĐ 1994)	Tr. đ	180.523	192.326,5	
II	Sản phẩm sản xuất chủ yếu				
1	Đường trắng	Tấn	31.991,75	34.282,70	
2	Mật rỉ	Tấn	13.563,87	13.000,0	
3	Phân bón	Tấn	10.463,55	10.390,0	
4	Nước TNTK	1000L	2.601,00	2.618,9	
III	Sản phẩm nông nghiệp				
1	Diện tích	Ha	6.260,8	6.300,0	
2	Năng suất bình quân	Tấn/ha	51,3	51,59	
3	Sản lượng mía NL sạch	Tấn	321.167,9	325.000	
4	Tiêu hao mía/đường	Tấn/tấn	10,03	9,48	
IV	Kế hoạch tài chính				
1	Doanh thu	Tr. đ	516.947,02	482.068,02	
2	Nộp ngân sách	Tr. đ	21.982,73	16.801	
3	Kết quả SXKD: Lãi (+), lỗ (-) trước thuế	Tr. đ	27.699,82	7.249,4	
4	Cổ tức	%	20	20	
V	Lao động				
1	Lao động b/q (Cả thời vụ)	Người	525	525	
2	Tổng quỹ tiền lương thực hiện	Tr. đ	29.232,59	31.097,31	
3	Thu nhập BQ ng/tháng	1000đ	4.640	4.936	

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH.
- HĐQT, BKS, BDH.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 348 /TTr/CPMĐNC-HĐQT

Thanh hóa, ngày 10 tháng 6 năm 2014

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công đã thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Phê duyệt phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2013, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Tỷ lệ	Số tiền
1	Vốn điều lệ	10		20.844.000.000
2	Lợi nhuận kế toán năm 2013	20		27.699.852.000
3	Thuế phải nộp	30		5.684.385.595
3.1	Thuế TNDN phải nộp ngân sách	31		5.684.385.595
3.2	Thuế TNDN được miễn, bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển			
4	Lợi nhuận phân phối các quỹ	40		22.015.439.407
4.1	Trích lập các quỹ	4.1	25%	5.503.859.851
	Quỹ dự phòng tài chính (5%)		5%	1.100.771.970
	Quỹ đầu tư phát triển (10%)		10%	2.201.543.941
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (7%)		7%	1.541.080.758
	Quỹ Phát triển vùng nguyên liệu (3%)		3%	660.463.182
4.2	Chi cổ tức năm 2013	4.2	20%	4.168.800.000
5	Trích thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch	50		4.610.839.000
	Thưởng TV HĐQT và BKS		2%	368.867.000
	Thưởng Ban điều hành		3%	553.301.000
	Thưởng CBCNV Công ty		20%	3.688.671.000
6	Lợi nhuận còn lại sau thuế chưa phân chia (60=40-4.1-4.2-50)	60		7.731.940.556
7	Lợi nhuận còn lại từ năm trước	70		9.598.010.459
8	Tổng lợi nhuận chuyển sang năm 2014	80		17.329.951.015

Giao cho HĐQT tổ chức sử dụng hiệu quả nguồn quỹ và chi trả cổ tức năm 2013 theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH;
- HĐQT, BKS, BDH;
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 349 TT/CPMĐNC-HĐQT

Thanh hoá, ngày 10 tháng 6 năm 2014

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt kinh phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2014

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2014

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công đã thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Phê duyệt mức thù lao của HĐQT và BKS năm 2014:

+ Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------|-----------------------------|
| 6. Chủ tịch HĐQT: | 10.000.000 đồng/tháng. |
| 7. Phó chủ tịch: | 8.000.000 đồng/tháng |
| 8. Ủy viên HĐQT: | 7.000.000 đồng/người/tháng. |
| 9. Thư ký HĐQT: | 2.000.000 đồng/người/tháng. |

+ Ban kiểm soát:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. Trưởng Ban kiểm soát: | 7.000.000 đồng/tháng. |
| 2. Ủy viên Ban kiểm soát: | 4.000.000 đồng/người/tháng. |

2. Kinh phí hoạt động và thù lao năm 2014:

- Tổng kinh phí hoạt động và thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2014 là: **1.444.740.000 đồng**. (Có dự toán chi tiết kèm theo).

- Giao cho HĐQT và BKS căn cứ vào tình hình thực tế để phê duyệt các chi phí của HĐQT và BKS theo đúng quy định của điều lệ và các văn bản của Nhà nước ban hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH.
- HĐQT, BKS, BDH.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

DỰ TOÁN CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BKS NĂM 2014

A. Chi hoạt động của HĐQT (I + II): 1.065.900.000 đồng

I. Tiền phụ cấp hàng tháng:

TT	Trích yếu	Số người	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền (đ)
A	B	1	2	3	4 = 1x2x3
1	Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	12	120.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	1	8.000.000	12	96.000.000
3	Ủy viên HĐQT	3	7.000.000	12	252.000.000
4	Thư ký HĐQT	1	2.000.000	12	24.000.000
	Cộng				492.000.000

II. Chi phí hoạt động:

- Chi điện thoại : 05 người x 600.000 đ/người/tháng : 36.000.000 đồng
- Chi phí công tác đi vùng nguyên liệu; thị trường:
8 lần x 5 người x 2.000.000 đ/người/lần : 80.000.000 đồng
- Chi phí phòng nghị của HĐQT họp HĐQT; ĐHĐCĐ:
10 lần x 700.000đ/người x 2 đêm x 4 người : 56.000.000 đồng
- Chi phí xăng xe, vé máy bay đi họp, công tác : 165.000.000 đồng
- Chi phí ăn uống đi đường
(500.000đ/ bữa x 4 người x 10 lần x 3bữa) : 60.000.000 đồng
- Chi phí tiếp khách, giao dịch : 80.000.000 đồng
- Chi phí khác nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại..
(dự trừ 10% chi phí) : 96.900.000 đồng

Cộng

: 573.900.000 đồng

B. Chi hoạt động của Ban kiểm soát (I+II): 378.840.000 đồng

I. Tiền phụ cấp hàng tháng:

TT	Trích yếu	Số người	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền (đ)
A	B	1	2	3	4 = 1x2x3
1	Trưởng ban kiểm soát	1	7.000.000	12	84.000.000
2	Thành viên BKS	2	4.000.000	12	96.000.000
	Cộng				180.000.000

II. Chi phí hoạt động:

- Chi điện thoại : 02 người x 600.000 đ/người/tháng : 14.000.000 đồng
- Chi phí công tác đi vùng nguyên liệu; thị trường:
8 lần x 2 người x 2.000.000 đ/người/lần : 32.000.000 đồng
- Chi phí phòng nghị của HĐQT họp HĐQT; ĐHĐCĐ:
10 lần x 700.000đ/người x 2 đêm x 2 người : 28.000.000 đồng
- Chi phí xăng xe, vé máy bay đi họp, công tác : 55.000.000 đồng
- Chi phí ăn uống đi đường
(500.000đ/ bữa x 2 người x 5 lần x 3bữa) : 15.000.000 đồng
- Chi phí tiếp khách, giao dịch : 20.000.000 đồng
- Chi phí khác nghiên cứu thị trường, thương mại ...
(dự trừ 10% chi phí) : 34.440.000 đồng

Cộng

: 378.840.000 đồng

Tổng cộng chi phí hoạt động HĐQT, BKS năm 2014 (A+B) : 1.444.740.000 đồng

Bằng chữ: (Một tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng)

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: 350 TT/CPMĐNC-HĐQT

Thanh hoá, ngày 10 tháng 06 năm 2014

TỜ TRÌNH

V/v: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán năm tài chính 2014

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2014

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2014 của Công ty CP Mía đường Nông Cống.
3. Đơn vị kiểm toán là một trong các công ty có trong danh sách được phép kiểm toán Công ty đại chúng, Công ty niêm yết.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH.
- HĐQT, BKS, BĐH.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 351 TTr/CPMĐNC – HĐQT

Thanh Hoá, ngày 10 tháng 6 năm 2014

TỜ TRÌNH

***V/v Sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty cổ phần mía đường Nông Cống***

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần mía đường Nông Cống đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông sáng lập Công ty ngày 29/12/2006; Được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013;

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng. Việc sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường về hoạt động chào bán chứng khoán ra công chúng, niêm yết, giao dịch, kinh doanh, đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán của Công ty.

*** Các nội dung sửa đổi như sau:**

I- Nguyên tắc sửa đổi điều lệ:

Để các cổ đông nắm bắt, theo dõi, đối chiếu việc sửa đổi, bổ sung điều lệ; Hội đồng quản trị xin thông báo việc sửa đổi thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Trên cơ sở kết cấu của điều lệ đã được sửa đổi thông qua ngày 23/6/2013 là 14 chương, 86 điều; Căn cứ các khoản mục quy định của Thông tư 121 kèm theo điều lệ mẫu, trong đó có những phần phải sửa đổi bắt buộc theo quy định tại điều lệ mẫu.

- Các chỗ trống trong điều lệ mẫu được bổ sung bằng những nội dung trong các văn bản hiện hành.

II. Các nội dung sửa đổi:

A. VỀ KẾT CẤU TỔNG THỂ: Việc sửa đổi, bổ sung các chương, mục của Điều lệ dựa trên khung kết cấu của Điều lệ mẫu.

1. Số lượng các Chương, điều khoản của Điều lệ:

a) Điều lệ cũ: Gồm 14 chương và 86 điều.

b) Điều lệ mẫu: Gồm 21 chương và 52 điều.

c) Điều lệ sửa đổi: Gồm 21 chương và 68 điều

B. VỀ NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHI TIẾT ĐIỀU LỆ :

Do Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trước đây chưa được sửa đổi theo Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị công

ty áp dụng cho công ty đại chúng, vì vậy Điều lệ sửa đổi lần này sửa đổi và bổ sung cũng như thay đổi kết cấu gần như toàn bộ các Điều khoản trong điều lệ cũ.

Trên đây là toàn bộ những nội dung sửa đổi theo Điều lệ mẫu. Bản Điều lệ mới đã hoàn toàn tuân thủ Điều lệ mẫu của Bộ tài chính và kế thừa một số nội dung của Điều lệ cũ, có chỉnh sửa phù hợp với các văn bản của pháp Luật hiện hành và điều kiện thực tế của công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH.
- HĐQT, BKS, BDH.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 345 PA/CPMĐNC-HĐQT

Thanh hoá, ngày 10 tháng 6 năm 2014

PHƯƠNG ÁN NHÂN SỰ
Bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011 – 2016

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2014

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;

- Xét đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Mía đường Nông Cống của ông Phạm Như Hóa ngày 03/3/2014. (Đã được HĐQT Công ty xem xét và thống nhất để ông Phạm Như Hóa – TV Ban kiểm soát, thôi không tham gia nhiệm vụ kiểm soát viên kể từ tháng 3/2014 và sẽ trình Đại hội cổ đông gần nhất bầu bổ sung thành viên BKS - Nghị quyết HĐQT số 18/NQ/CPMĐNC-HĐQT ngày 12/3/2014);

- Căn cứ tiêu chuẩn tham gia ứng cử, đề cử vào BKS; Kết quả hiệp thương và văn bản giới thiệu, đề cử nhân sự bầu thay thế thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2011 – 2016 của cổ đông và nhóm cổ đông;

- Căn cứ Nghị quyết số 19 NQ/ĐNC – HĐQT ngày 03 tháng 6 năm 2014 của HĐQT Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Mía đường Nông Cống báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 Phương án nhân sự bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011 – 2016 như sau:

I. Tiêu chuẩn và cơ cấu thành viên BKS theo quy định của Điều lệ:

1. Tiêu chuẩn:

Căn cứ các quy định tại Điều 47 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Mía đường Nông Cống, người tham gia ứng cử, đề cử vào BKS phải đạt các tiêu chuẩn sau:

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp.

- Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.

- Là cổ đông của công ty.

- Có kinh nghiệm quản lý chuyên môn.

- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, nhiệt tình, tận tụy với công việc; có hiểu biết pháp luật.

- Thành viên BKS không được giữ chức vụ quản lý Công ty.

2. Cơ cấu:

Căn cứ mục 2, Điều 47, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Mía đường Nông Cống – Cơ cấu BKS như sau:

- Ban kiểm soát gồm 3 người, BKS phải có ít nhất một thành viên có chuyên môn về Tài Chính Kế Toán và không nằm trong Phòng Tài chính kế toán của Công ty.

II. Phương án nhân sự bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2011 – 2016:

1. Cơ cấu nhân sự hiện tại:

1	Bà Phạm Thị Mơ	- Trưởng ban	ĐD cổ đông Nhà nước
2	Ông Nguyễn Văn Dương	- Thành viên	ĐD nhóm cổ đông Công ty
3	Ông Phạm Như Hóa (đã nghỉ)	- Thành viên	ĐD nhóm cổ đông ngoài

2. Dự kiến nhân sự bầu thay thế thành viên BKS như sau:

Căn cứ kết quả hiệp thương giữa Công ty CP Mía đường Nông Cống với cá cổ đông lớn và một số nhóm cổ đông; Kết quả đề cử nhân sự tham gia BKS của nhóm cổ đông ngoài; Sự thống nhất của các ủy viên HĐQT Công ty tại kỳ họp thứ 19 ngày 03/6/2014. HĐQT Công ty báo cáo ĐHĐCĐ dự kiến nhân sự bầu bổ thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2011 – 2016 như sau:

TT	Họ và tên	Cổ đông/nhóm cổ đông giới thiệu	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Bà Trần Thị Bích Nhi	Nhóm cổ đông ngoài	CB Công ty TNHH Kim Hà Việt – TP Hồ Chí Minh

Trên đây là phương án nhân sự được đề cử bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2011 – 2016 của Công ty CP Mía đường Nông Cống.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ xem xét quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH.
- HĐQT, BKS, BĐH.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

Số: 346 TT/CPMĐNC-HĐQT

Thanh hoá, ngày 10 tháng 6 năm 2014

TỜ TRÌNH

***V/v: Thông qua Phương án nhân sự bầu thay thế thành viên BKS
Nhiệm kỳ II (2011 – 2016)***

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2014

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống đã thông qua tại ĐHĐCĐ sáng lập ngày 29/12/2006; được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014;

- Xét đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Mía đường Nông Cống của ông Phạm Như Hóa ngày 03/3/2014. (Đã được HĐQT Công ty xem xét và thống nhất đề ông Phạm Như Hóa – TV Ban kiểm soát, thôi không tham gia nhiệm vụ kiểm soát viên kể từ tháng 3/2014 và sẽ trình Đại hội cổ đông gần nhất bầu bổ sung thành viên BKS - Nghị quyết HĐQT số 18/NQ/CPMĐNC-HĐQT ngày 12/3/2014);

- Căn cứ tiêu chuẩn tham gia ứng cử, đề cử vào BKS; Kết quả hiệp thương và văn bản giới thiệu, đề cử nhân sự bầu thay thế thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2011 – 2016 của cổ đông và nhóm cổ đông;

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÍNH TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Thông qua phương án nhân sự bầu thay thế thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011 – 2016 cụ thể như sau:

1. Cơ cấu nhân sự hiện tại:

1	Bà Phạm Thị Mơ	- Trưởng ban	ĐD cổ đông Nhà nước
2	Ông Nguyễn Văn Dương	- Thành viên	ĐD nhóm cổ đông Công ty
3	Ông Phạm Như Hóa (đã nghỉ)	- Thành viên	ĐD nhóm cổ đông ngoài

2. Nhân sự bầu thay thế thành viên BKS:

TT	Họ và tên	Cổ đông/nhóm cổ đông giới thiệu	Chức vụ và đơn vị công tác
1	Bà Trần Thị Bích Nhi	Nhóm cổ đông ngoài	CB Công ty TNHH Kim Hà Việt – TP Hồ Chí Minh

(Có phương án chi tiết kèm theo)

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định số lượng và danh sách ứng cử viên tham gia bầu thay thế thành viên BKS nêu trên.

Kính trình Đại hội xem xét quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Cổ đông dự ĐH.
- HĐQT, BKS, BDH.
- Lưu VT, HĐQT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Thị Huyền Đức

THỂ LỆ
BẦU CỬ THAY THẾ THÀNH VIÊN BKS
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 1/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Mía Đường Nông Cống;

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 Công ty CP Mía đường Nông Cống tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và BKS theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thể lệ này bao gồm những quy định về bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Mía đường Nông Cống.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử thành viên BKS:

Quy định tại Điều 9 và Điều 33 - Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Việc ứng cử, đề cử được thực hiện bằng văn bản và được gửi đến Ban tổ chức Đại hội.

Điều 3. Đối tượng thực hiện bầu cử

1. Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Danh sách cổ đông sở hữu có quyền biểu quyết sẽ được xác định tại thời điểm chốt danh sách theo quy định.

Điều 4. Những nguyên tắc chung về bầu cử

1. Nguyên tắc bầu cử: Bầu cử trực tiếp và bỏ phiếu kín.
2. Phương thức bầu cử:
 - a. Việc bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.
 - b. Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.
 - c. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội chỉ được sử dụng một phiếu bầu cử tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - d. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần do chính mình sở hữu và cổ phần được ủy quyền sở hữu) nhân với số thành viên được bầu của BKS. Cụ thể theo công thức như sau:

Tổng số phiếu biểu quyết	=	Tổng số cổ phần	x	Số thành viên được bầu của BKS
---	---	--------------------------------	---	---

VD: Số lượng thành viên được bầu của BKS là 2 người. Theo đó, số phiếu biểu quyết là Tổng số cổ phần của cổ đông nhân với 2 (* 2).

- e. Cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên mà mình tín nhiệm.

Điều 5. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Danh sách ứng cử viên BKS

- Danh sách ứng cử viên thành viên BKS được sắp xếp theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Trên phiếu bầu sẽ bao gồm các nội dung bầu với danh sách ứng cử viên tương ứng của thành viên BKS.

2. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu cử

a. Hình thức phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu cử được in thống nhất

- Trên mỗi phiếu bầu cử có đóng dấu đỏ của Công ty

b. Nội dung phiếu bầu cử

Trên mỗi phiếu bầu cử thể hiện các nội dung sau:

- Mã số phiếu bầu cử

- Tổng số cổ phần; Tổng số phiếu biểu quyết. Một phiếu bầu cử thể hiện quyền bầu tương ứng với số lượng cổ phần cổ đông đó sở hữu và được uỷ quyền..

- Danh sách ứng cử viên thành viên BKS.

c. Nhận phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu cử

- Nhận phiếu bầu cử: Khi cổ đông đến làm thủ tục tham dự Đại hội, cổ đông đăng ký dự họp với Ban tổ chức và nhận phiếu bầu cử ngay tại bàn đăng ký.

- Cổ đông phải tự mình thực hiện các bước sau đây:

* Xác định tổng số phiếu biểu quyết của mình đối với thành viên BKS.

* Điền số phiếu biểu quyết mà mình quyết định bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.

- Trong trường hợp người tham dự bầu cử là người đại diện theo uỷ quyền (có giấy uỷ quyền), người được uỷ quyền có đầy đủ số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần thuộc sở hữu của người uỷ quyền.

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu cử khác.

d. Các trường hợp phiếu bầu cử không hợp lệ

- Phiếu bầu cử không theo mẫu quy định và/hoặc không do Công ty phát hành, không có khuôn dấu đỏ Công ty.

- Phiếu bầu cử gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Phiếu bầu cử ghi thêm những thông tin khác, ghi thêm ký hiệu.

- Phiếu bầu cử không còn nguyên vẹn.

- Phiếu bầu cử quá số lượng thành viên BKS đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông đó sở hữu và/hoặc được uỷ quyền.

- Số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên cộng lại vượt quá tổng số phiếu biểu quyết mà mình có được theo công thức tính tại Điều 4 – Khoản 2, điểm d của thể lệ này.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

a. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm

Phổ biến Thể lệ bầu cử

Giới thiệu cách sử dụng phiếu bầu cử

Tiến hành phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu bầu cử

Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

b. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách ứng cử viên vào BKS.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu tại nơi tiến hành Đại hội
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 7. Nguyên tắc bầu dồn phiếu, nguyên tắc trúng cử thành viên BKS

1. Nguyên tắc bầu dồn phiếu: Theo hướng dẫn quy định tại phụ lục đính kèm theo Thẻ lệ này (Nếu chỉ bầu bổ sung 01 thành viên BKS sẽ không bầu dồn phiếu)

2. Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên đã được Đại hội biểu quyết thông qua.

Trường hợp có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau và số lượng trúng cử vượt quá số lượng cần bầu thì ứng cử viên nào sở hữu nhiều cổ phần hơn sẽ được chọn. Trường hợp số cổ phần sở hữu ngang nhau thì tiến hành bầu lần thứ hai đối với những ứng cử viên này để lựa chọn. Nếu bầu lần thứ hai vẫn bằng nhau thì việc có tiếp tục bầu cử nữa hay không do Đại hội quyết định.

Điều 8. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp; Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu); Số và tỷ lệ phiếu bầu cử hợp lệ, phiếu bầu cử không hợp lệ, phiếu bầu cử trống; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào BKS.

2. Toàn văn biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 9. Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Thẻ lệ này gồm có 9 (chín) điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

T/M: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI